

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Phương án điều tra thu thập thông tin thống kê  
các chỉ tiêu phát triển nhà ở tỉnh Bình Định**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê  
ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 3211/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của  
UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bình Định  
giai đoạn 2020 - 2025;


Thực hiện Công văn số 5903/UBND-TH ngày 04 tháng 8 năm 2024 của  
UBND tỉnh về chủ trương giao thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập thông tin thống  
kê phục vụ chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tại Văn bản số 814/TTr-CTK  
ngày 11/8/2024 và ý kiến tham gia góp ý của các sở, ngành có liên quan.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án điều tra thu thập  
thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Giao Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị  
có liên quan tổ chức thực hiện điều tra theo đúng Phương án Điều tra đã được  
UBND tỉnh phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài  
chính, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thống kê và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên  
quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /  


**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thống kê;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- PVP TH;
- Lưu: VT, K3, K14.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN  
ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ  
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Bình Định)

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

### 1. Mục đích điều tra

Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở là cuộc điều tra chọn mẫu được thực hiện trong năm 2024 nhằm mục đích:

- Xác định thực trạng, tình hình thực hiện một số chỉ tiêu phát triển nhà ở theo Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 như: Dân số có nhà ở, tỷ lệ hộ có nhà ở (nhà ở chung cư, nhà ở xã hội, nhà ở riêng lẻ); diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực đô thị, nông thôn và toàn tỉnh.

- Dự báo nhu cầu nhà ở xã hội; chuẩn bị kế hoạch triển khai thực hiện nhà ở xã hội năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp với nhu cầu thị trường, đáp ứng nhu cầu nhà ở.

- Xác định nhu cầu của người dân đối với từng loại hình nhà ở, khả năng chi trả (mua, thuê, thuê mua; có khả năng chi trả toàn bộ hoặc vay vốn mua, thuê mua nhà).

- Làm cơ sở đánh giá kết quả phát triển nhà ở và nhà ở xã hội hàng năm và xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội tỉnh Bình Định năm tiếp theo.

### 2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra theo đúng các nội dung quy định của Phương án điều tra;

- Bảo mật thông tin cá nhân thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra phải bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả;

- Kết quả điều tra phải đáp ứng được mục đích của cuộc điều tra.

## II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

### 1. Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra được tiến hành trên phạm vi tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

## **2. Đối tượng điều tra**

Đối tượng điều tra bao gồm:

- Các nhân khẩu thực tế thường trú của hộ dân cư, bao gồm cả những người thuộc lực lượng vũ trang là nhân khẩu thực tế thường trú của hộ; không bao gồm những người thuộc lực lượng vũ trang cư trú trong các khu doanh trại;
- Nhà ở của hộ dân cư.

## **3. Đơn vị điều tra**

Đơn vị điều tra bao gồm: Các hộ dân cư. Hộ dân cư bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai;

## **III. LOẠI ĐIỀU TRA**

Thực hiện điều tra chọn mẫu đối với các đối tượng điều tra.

Đối với hộ dân cư, quy mô mẫu được phân bổ bảo đảm mức độ đại diện của các chỉ tiêu thống kê cho cấp tỉnh có phân tổ theo thành thị, nông thôn và theo đơn vị hành chính.

*Cách thức chọn mẫu, số lượng mẫu được trình bày cụ thể trong Phụ lục I của Phương án.*

## **IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA**

### **1. Thời điểm điều tra**

Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 01/9/2024.

### **2. Thời gian điều tra**

Thời gian điều tra tại địa bàn là 25 ngày, bắt đầu từ ngày 01/9 đến 20/9/2024.

### **3. Thời kỳ điều tra**

Thời kỳ điều tra được quy định cụ thể tại phiếu điều tra.

### **4. Phương pháp điều tra**

Áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp hộ dân cư: Tại các địa bàn điều tra mẫu được chọn, điều tra viên đến từng hộ dân cư được chọn mẫu để phỏng vấn đối tượng điều tra và nhập đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử CAPI (*phiếu được cài đặt trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh của điều tra viên*).

## **V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA**

### **1. Nội dung điều tra**

Nội dung điều tra bao gồm các thông tin về hộ dân cư: Thông tin về nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, tình trạng việc làm, tình trạng đóng bảo hiểm xã hội, tham gia thuế thu nhập cá nhân của thành viên hộ, thực trạng nhà ở của hộ, nhu cầu mua nhà ở, loại nhà ở muốn mua.

### **2. Phiếu điều tra**

Cuộc điều tra sử dụng 01 loại phiếu điều tra để thu thập thông tin về đối tượng điều tra: Phiếu số 01/NO-HO: Phiếu thu thập thông tin về thực trạng và nhu cầu nhà ở - *Phiếu dành cho hộ dân cư.*

## **VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA**

Cuộc điều tra sử dụng các danh mục và bảng phân loại thống kê sau:

- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được cập nhật đến thời điểm điều tra;
- Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;
- Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ;
- Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;
- Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ;
- Bảng chuyển đổi năm âm lịch sang năm dương lịch;
- Bảng chuyển đổi trình độ văn hóa phổ thông.

## **VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA**

### **1. Quy trình xử lý thông tin**

Sau khi kết thúc phỏng vấn đối tượng điều tra, thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên hoàn thành và gửi về máy chủ của Cục Thống kê thông qua đường truyền dữ liệu trực tuyến. Tại đây các đội trưởng, giám sát viên thực hiện việc kiểm tra, ghi mã, làm sạch số liệu và nghiệm thu (duyệt) số liệu trực tuyến theo quy trình kiểm tra, nghiệm thu số liệu được hướng dẫn trong sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ điều tra.

### **2. Tổng hợp kết quả điều tra**

Kết quả điều tra được tổng hợp theo các biểu đầu ra.

## VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Năm 2024 cuộc điều tra được thực hiện theo Kế hoạch sau:

<b>T T</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>
1	Xây dựng Phương án, các tài liệu điều tra	Tháng 03 - 05/2024	Cục Thống kê Bình Định	Các đơn vị liên quan
2	Trình Tổng cục Thống kê thẩm định Phương án điều tra	Tháng 06/2024	UBND tỉnh Bình Định	Các đơn vị liên quan
3	Ban hành Quyết định và Phương án điều tra	Tháng 08/2024	UBND tỉnh Bình Định	Cục Thống kê Bình Định
4	Chọn và phân bổ địa bàn điều tra. In ấn, phân phối tài liệu điều tra	Tháng 08/2024	Cục Thống kê Bình Định	Chi cục Thống kê cấp huyện
5	Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, đội trưởng và giám sát viên	Tháng 08/2024	Cục Thống kê Bình Định	Chi cục Thống kê cấp huyện; Sở Xây dựng BĐ
6	Lập dự toán kinh phí điều tra gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt	Tháng 08/2024	Cục Thống kê Bình Định	Sở Tài chính Bình Định
7	Lập, rà soát, cập nhật bảng kê	Tháng 08/2024	Cục Thống kê Bình Định	Sở Xây dựng, Chi cục Thống kê cấp huyện và các đơn vị liên quan
8	Thu thập thông tin tại địa bàn điều tra	Từ ngày 01/9 - 20/8/2024	Cục Thống kê Bình Định	Điều tra viên, đội trưởng và giám sát viên cấp tỉnh, huyện
9	Kiểm tra và duyệt dữ liệu điều tra	Tháng 9 - 10/2024	Cục Thống kê Bình Định	Đội trưởng, giám sát viên cấp tỉnh, huyện
10	Phục tra dữ liệu điều tra	Tháng 10/2024	Cục Thống kê Bình Định	Chi cục Thống kê cấp huyện
11	Tổng hợp và viết báo cáo điều tra	Tháng 11 - 12/2024	Cục Thống kê Bình Định	Sở Xây dựng Bình Định
12	Biên soạn, in, xuất bản và phát hành báo cáo kết quả điều tra	Tháng 01/2025	Cục Thống kê Bình Định	Sở Xây dựng Bình Định

## **IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA**

### **1. Công tác chuẩn bị**

#### ***1.1. Rà soát địa bàn, lập danh sách (bảng kê) đối tượng điều tra***

Bảng kê được lập, rà soát và cập nhật trước thời điểm điều tra. Bảng kê là công cụ quan trọng giúp điều tra viên liên hệ, tiếp cận đối tượng điều tra, phỏng vấn nhanh chóng, thuận tiện, giúp đội trưởng, giám sát viên giám sát công việc của điều tra viên.

Cục Thống kê phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai rà soát địa bàn, lập và cập nhật bảng kê số hộ, số người tại các địa bàn mẫu.

#### ***1.2. Tuyển chọn điều tra viên, đội trưởng và giám sát viên***

Cục Thống kê tỉnh Bình Định chỉ đạo và phối hợp với Chi cục Thống kê cấp huyện tuyển chọn điều tra viên, đội trưởng và giám sát viên để thực hiện điều tra thu thập thông tin.

Điều tra viên là những người có kinh nghiệm trong điều tra thống kê, có trình độ từ trung học phổ thông trở lên, có và sử dụng thành thạo máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh để thực hiện điều tra thu thập thông tin bằng phiếu điện tử.

*Tiêu chuẩn cụ thể đối với điều tra viên được trình bày tại Phụ lục II của Phương án.*

Đội trưởng là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thống kê, có kinh nghiệm phỏng vấn khai thác thông tin, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình và có sức khỏe. Tuyển chọn đội trưởng nên ưu tiên là công chức có kinh nghiệm của Chi cục Thống kê cấp huyện hoặc của Cục Thống kê.

Giám sát viên là lực lượng thực hiện công việc giám sát các hoạt động của điều tra viên, đội trưởng. Hỗ trợ chuyên môn cho giám sát viên cấp dưới, các đội trưởng, điều tra viên trong quá trình điều tra thực địa. Có 2 cấp giám sát viên: Giám sát viên cấp tỉnh và giám sát viên cấp huyện. Giám sát viên cấp tỉnh bao gồm công chức của Cục Thống kê; giám sát viên cấp huyện bao gồm công chức của Chi cục Thống kê cấp huyện.

#### ***1.3. Tập huấn nghiệp vụ điều tra***

Cục Thống kê chủ trì phối hợp với Chi cục Thống kê cấp huyện tổ chức tập huấn cho điều tra viên, đội trưởng và giám sát viên cấp tỉnh và huyện.

#### ***1.4. Tài liệu điều tra***

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ do Cục Thống kê biên soạn và in ấn đảm bảo đúng thời gian quy định.

### **2. Công tác điều tra tại địa bàn**

Tiến hành thu thập thông tin từ ngày 01/8 đến ngày 25/8/2024. Cục Thống kê chỉ đạo và phối hợp với Chi cục Thống kê cấp huyện tổ chức điều tra thu thập thông tin tại địa bàn, bảo đảm việc thu thập thông tin thực hiện đúng yêu cầu chất lượng và thời gian quy định.

Trên cơ sở bảng kê đã cập nhật, đội trưởng lập bảng phân công khối lượng công việc cho từng điều tra viên và báo cáo Chi cục Thống kê, Cục Thống kê để bố trí kế hoạch kiểm tra, giám sát.

Căn cứ kế hoạch do đội trưởng bố trí, điều tra viên liên hệ trực tiếp đến đối tượng điều tra được phân công để phỏng vấn và thu thập các thông tin, ghi phiếu chính xác, đầy đủ theo quy trình của cuộc điều tra. Cuối mỗi ngày, điều tra viên phải gửi dữ liệu đã điều tra về máy chủ theo đúng quy định, sửa chữa sai sót khi có yêu cầu từ đội trưởng, từ giám sát viên. Bảo mật thông tin cá nhân và bảo đảm an toàn theo quy định.

### **3. Công tác kiểm tra, giám sát**

Nhằm đảm bảo chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra, trong đó tập trung chủ yếu vào quá trình lập, rà soát, cập nhật bảng kê, điều tra tại địa bàn, kiểm tra và duyệt phiếu trên trang Web điều hành. Quy trình kiểm tra, giám sát được thực hiện như sau:

#### **3.1. Đối với đội trưởng**

Chịu trách nhiệm tham dự, nghe phỏng vấn của điều tra viên, kiểm tra các phiếu đã hoàn thành của điều tra viên, hỗ trợ điều tra viên về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng liên quan đến điều tra, duyệt số liệu của các điều tra viên được phân công phụ trách.

#### **3.2. Đối với giám sát viên cấp huyện**

Thực hiện giám sát, kiểm tra và duyệt số liệu của các đội trưởng, điều tra viên được phân công phụ trách với các nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra, đảm bảo điều tra viên tiến hành thu thập đúng đối tượng điều tra, tiến độ điều tra;
- Kiểm tra chất lượng thông tin, thông báo cho điều tra viên những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh để hoàn thành phiếu;
- Duyệt toàn bộ các phiếu điều tra tại các địa bàn được phân công giám sát khi điều tra viên đã hoàn thành điều tra, hoàn thiện sửa lỗi; kiểm tra thông tin các hộ đã được đội trưởng xác nhận hoàn thành;
- Thông báo cho điều tra viên, đội trưởng những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý hoặc trả lời những câu hỏi của điều tra viên, đội trưởng liên quan đến nghiệp vụ và kỹ thuật sử dụng thiết bị thông minh;

- Trao đổi với giám sát viên tỉnh về những vấn đề nghiệp vụ phát sinh hoặc những vấn đề kỹ thuật sử dụng thiết bị thông minh trong quá trình điều tra.

### **3.3. Đối với giám sát viên cấp tỉnh**

Thực hiện giám sát, kiểm tra và duyệt số liệu của các địa bàn điều tra được phân công phụ trách với các nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra tiến độ điều tra hàng ngày của điều tra viên thông qua các phiếu điều tra đã được đội trưởng, giám sát viên cấp huyện duyệt;

- Kiểm tra chất lượng thông tin, thông báo cho giám sát viên cấp huyện những thông tin trong phiếu cần kiểm tra, xác minh để hoàn thành phiếu;

- Duyệt toàn bộ các phiếu điều tra tại các địa bàn điều tra được phân công giám sát;

- Thông báo cho giám sát viên cấp huyện những vấn đề nghiệp vụ cần lưu ý hoặc trả lời những câu hỏi của giám sát viên cấp huyện liên quan đến nghiệp vụ và kỹ thuật sử dụng thiết bị thông minh.

## **4. Công tác phúc tra**

Nhằm đánh giá chất lượng cuộc điều tra, Cục Thống kê tiến hành phúc tra từ 5 - 10% số hộ đã được phỏng vấn điều tra.

Để đảm bảo chất lượng của phúc tra, phúc tra viên được chọn là người có kinh nghiệm, nắm vững nghiệp vụ, sử dụng thành thạo các phiếu điện tử, có trách nhiệm cao và trực tiếp tới hộ được chọn để phúc tra. Trong quá trình làm việc, phúc tra viên tuyệt đối không để lộ thông tin của hộ điều tra, ngay cả đối với chính quyền địa phương.

## **5. Nghiệm thu, xử lý thông tin và tổng hợp phân tích kết quả điều tra**

### **5.1. Nghiệm thu kết quả điều tra**

- Đội trưởng nghiệm thu và xác nhận từng phiếu điều tra đã hoàn thành của điều tra viên trong đội.

- Giám sát viên cấp huyện kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra của các địa bàn điều tra được phân công phụ trách.

- Giám sát viên cấp tỉnh kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra của toàn bộ các địa bàn điều tra.

### **5.2. Xử lý thông tin và tổng hợp phân tích kết quả điều tra**

Cục Thống kê thực hiện việc kiểm tra, ghi mã, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra. Trên cơ sở dữ liệu điều tra, Cục Thống kê phối hợp với Sở Xây dựng tổng hợp và phân tích kết quả điều tra.

## **6. Chỉ đạo thực hiện**



### **6.1. Cục Thống kê**

Chủ trì xây dựng Kế hoạch điều tra, chuẩn bị các điều kiện để phục vụ điều tra. Tổ chức, chỉ đạo toàn bộ cuộc điều tra, tham gia giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, xử lý dữ liệu, tổng hợp và phân tích kết quả điều tra ...; chỉ đạo, phối hợp với Chi cục Thống kê cấp huyện tổ chức tập huấn, kiểm tra, giám sát, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra, nghiệm thu kết quả điều tra đối với các giám sát viên.

### **6.2. Sở Xây dựng**

Có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin các chỉ tiêu phát triển nhà ở cần điều tra để Cục Thống kê thực hiện. Trên cơ sở kết quả điều tra, Sở Xây dựng tổng hợp số liệu, tham mưu báo cáo UBND Tỉnh điều chỉnh, bổ sung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm và theo giai đoạn đảm bảo phù hợp với thực tế và quy định hiện hành.

### **6.3. Sở Tài chính**

Tổng hợp, tham mưu cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện theo Phương án của cuộc điều tra.

### **6.4. Các Sở, ban ngành có liên quan**

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Cục Thống kê để thực hiện tốt cuộc điều tra trên địa bàn tỉnh.

### **6.5. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố**

Có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, phường, thị trấn, các đơn vị có trụ sở trên địa bàn tạo điều kiện thuận lợi cho điều tra viên hoàn thành nhiệm vụ, tuyên truyền, động viên các đối tượng điều tra cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ theo yêu cầu của cuộc điều tra.

## **X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA**

Kinh phí Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở do ngân sách địa phương bảo đảm trong phạm vi dự toán nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan khác (nếu có).

Cục Thống kê có trách nhiệm căn cứ các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, tổ chức thực hiện chi trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp với nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương và thanh quyết toán kinh phí ngân sách địa phương hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và các chế độ tài chính hiện hành./.

**Phụ lục I**  
**QUY TRÌNH CHỌN MẪU**  
**Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở**

Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở (Điều tra nhà ở) là cuộc điều tra chọn mẫu.

Đối với hộ dân cư năm 2024 quy mô mẫu được phân bổ bảo đảm mức độ đại diện của các chỉ tiêu thống kê cho cấp tỉnh, phân tổ theo thành thị, nông thôn và theo cấp huyện. Năm 2024 quy mô mẫu được phân bổ bảo đảm mức độ đại diện của các chỉ tiêu thống kê cho cấp tỉnh.

**1. Chọn mẫu hộ dân cư (áp dụng đối với Phiếu số 01/NO-HO)**

Mẫu Điều tra nhà ở năm 2024, gồm: 12.270 hộ tại 409 địa bàn điều tra (*viết gọn là: ĐBĐT*) tương đương 10% địa bàn điều tra của toàn tỉnh; Chia ra: khu vực thành thị là 138 địa bàn và khu vực nông thôn là 271 địa bàn.

Việc phân bổ ĐBĐT tất cả các huyện, thị xã, thành phố (*viết gọn là: huyện*) và khu vực thành thị, nông thôn được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ với căn bậc hai quy mô hộ. Mẫu Điều tra nhà ở là mẫu phân tầng hai giai đoạn, được thiết kế như sau:

*Giai đoạn 1 (chọn địa bàn mẫu)*

Mỗi huyện tạo thành một tầng chính, được chia ra hai tầng thứ cấp là thành thị, nông thôn. Ở giai đoạn này, danh sách ĐBĐT của tỉnh được chọn từ danh sách địa bàn điều tra của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được cập nhật danh sách thôn, xóm, tổ dân phố trong tháng 07/2024 và được chia thành hai dàn mẫu độc lập cho khu vực thành thị, khu vực nông thôn; thực hiện chọn các ĐBĐT theo phương pháp xác suất tỷ lệ với quy mô hộ của ĐBĐT.

*Giai đoạn 2 (chọn hộ)*

Tại các địa bàn điều tra đã được chọn ở Giai đoạn 1, thực hiện rà soát, cập nhật danh sách toàn bộ các hộ của địa bàn và tiến hành chọn 30 hộ theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống để thực hiện thu thập thông tin.

*Phân bổ số lượng địa bàn mẫu điều tra và số lượng hộ mẫu được trình bày cụ thể trong biểu (đính kèm)*

Biểu 1

## SỐ LƯỢNG ĐỊA BÀN VÀ SỐ HỘ ĐIỀU TRA

STT	Tên đơn vị	Tổng số địa bàn	Chia theo thành thị, nông thôn		Tổng số hộ	Chia theo thành thị, nông thôn	
			Thành thị	Nông thôn		Thành thị	Nông thôn
	<b>Tổng cộng</b>	<b>409</b>	<b>138</b>	<b>271</b>	<b>12.270</b>	<b>4.140</b>	<b>8.130</b>
1	TP. Quy Nhơn	55	50	5	1.650	1.500	150
2	Huyện An Lão	19	3	16	570	90	480
3	TX. Hoài Nhơn	44	31	13	1.320	930	390
4	Huyện Hoài Ân	32	3	29	960	90	870
5	Huyện Phù Mỹ	43	5	38	1.290	150	1.140
6	Huyện Vĩnh Thạnh	21	4	17	630	120	510
7	Huyện Tây Sơn	39	7	32	1.170	210	960
8	Huyện Phù Cát	45	6	39	1.350	180	1.170
9	TX. An Nhơn	42	17	25	1.260	510	750
10	Huyện Tuy Phước	48	7	41	1.440	210	1.230
11	Huyện Vân Canh	21	5	16	630	150	480

PHIẾU 01/NO-HO

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở  
NĂM 2024  
(PHIẾU DÀNH CHO HỘ DÂN CƯ)**

Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo quy định của Luật Thống kê

**ĐỊNH DANH**

TỈNH:

BÌNH ĐỊNH

5 2

HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ: \_\_\_\_\_

--	--	--

XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN: \_\_\_\_\_

--	--	--	--	--

ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA: \_\_\_\_\_

--	--	--

THÀNH THỊ/NÔNG THÔN (THÀNH THỊ = 1; NÔNG THÔN = 2): .....

--

THÔN/XÓM/TỔ DÂN PHỐ: \_\_\_\_\_

--	--	--

HỘ SỐ: .....

--	--	--

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ: \_\_\_\_\_

ĐỊA CHỈ CỦA HỘ: \_\_\_\_\_

## XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q1. Xin ông/bà cho biết họ và tên những người thường xuyên ăn, ở tại hộ **được 6 tháng trở lên** tính đến 0 giờ ngày 01/8/2024 không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ (không bao gồm sinh viên là người của hộ đang đi học xa nhà)?

GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI

- |           |           |
|-----------|-----------|
| 1. _____  | 14. _____ |
| 2. _____  | 15. _____ |
| 3. _____  | 16. _____ |
| 4. _____  | 17. _____ |
| 5. _____  | 18. _____ |
| 6. _____  | 19. _____ |
| 7. _____  | 20. _____ |
| 8. _____  | 21. _____ |
| 9. _____  | 22. _____ |
| 10. _____ | 23. _____ |
| 11. _____ | 24. _____ |
| 12. _____ | 25. _____ |
| 13. _____ | 26. _____ |

Q2. Trong hộ ông/bà, có ai mới chuyển đến hộ (bao gồm cả trẻ em mới sinh) **chưa được 6 tháng** tính đến 0 giờ ngày 01/8/2024 nhưng xác định ăn ở lâu dài tại hộ hoặc không có nơi ở ổn định nào khác?

CÓ ..... 1  → HỒI HỌ VÀ TÊN ĐỂ GHI VÀO CÂU Q1,  
SAU ĐÓ CHUYỂN CÂU Q3

KHÔNG ..... 2

Q3. Trong tất cả những người đã kể tên có ai là:  
(NHỮNG NGƯỜI CÓ TRONG CÂU Q1)

- a. Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ?
- b. Người đến hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đến chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...?
- c. Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình?
- d. Bộ đội, công an ăn, ở tập trung trong doanh trại/đơn vị?

	CÓ		KHÔNG
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>

(NẾU CÓ HỒI HỌ VÀ TÊN, ĐỒNG THỜI GẠCH TÊN Ở CÂU Q1)

## XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

<p>Q4a. Trong hộ ông/bà, có ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng tại thời điểm 0 giờ ngày 01/8/2024 tạm vắng vì các lý do sau đây không?</p> <p>a. Đi làm ăn xa dưới 6 tháng và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động?</p> <p>b. Điều trị nội trú tại cơ sở y tế?</p> <p>c. Người rời hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đi chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...?</p> <p>d. Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ; người đi buôn chuyến; đi tàu viễn dương; đánh bắt hải sản?</p> <p>e. Đi nước ngoài trong thời hạn cho phép?</p> <p>f. Bị công an, quân đội tạm giữ?</p>	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;"></th> <th style="width: 15%;">CÓ</th> <th style="width: 10%;"></th> <th style="width: 15%;">KHÔNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td>2</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td>2</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td>2</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td>2</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td>2</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td>2</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;">(NẾU KHÔNG CÓ AI THUỘC CÁC ĐỐI TƯỢNG TRÊN, CHUYỂN CÂU Q5a)</p>		CÓ		KHÔNG	1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>	1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>	1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>	1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>	1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>	1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>
	CÓ		KHÔNG																										
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>																										
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>																										
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>																										
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>																										
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>																										
1	<input type="checkbox"/>	2	<input type="checkbox"/>																										
<p>Q4b. Xin cho biết họ và tên những người này? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI)</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">1. _____</td> <td style="width: 50%;">4. _____</td> </tr> <tr> <td>2. _____</td> <td>5. _____</td> </tr> <tr> <td>3. _____</td> <td>6. _____</td> </tr> </table>		1. _____	4. _____	2. _____	5. _____	3. _____	6. _____																						
1. _____	4. _____																												
2. _____	5. _____																												
3. _____	6. _____																												
<p>Q5a. Có ai vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau 0 giờ ngày 01/8/2024 và chưa được kể tên ở trên không?</p>	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 80%;">CÓ .....</td> <td style="width: 10%; text-align: center;">1</td> <td style="width: 10%; text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>KHÔNG.....</td> <td style="text-align: center;">2</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/> → Q6</td> </tr> </table>	CÓ .....	1	<input type="checkbox"/>	KHÔNG.....	2	<input type="checkbox"/> → Q6																						
CÓ .....	1	<input type="checkbox"/>																											
KHÔNG.....	2	<input type="checkbox"/> → Q6																											
<p>Q5b. Xin cho biết họ và tên những người này? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI)</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;">1. _____</td> <td style="width: 50%;">3. _____</td> </tr> <tr> <td>2. _____</td> <td>4. _____</td> </tr> </table>		1. _____	3. _____	2. _____	4. _____																								
1. _____	3. _____																												
2. _____	4. _____																												
<p>Q6. Những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ là: ĐỌC TÊN NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC HIỂN THỊ TRONG DANH SÁCH (NHỮNG NGƯỜI KHÔNG BỊ GẠCH TÊN Ở CÂU Q1 VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÊN TRONG CÂU Q4b và CÂU Q5b)</p>																													
<p>Q7. Xin ông/bà cho biết ai là chủ hộ? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN)</p> <p style="text-align: center;">_____</p>																													
<p>Q8. Trong số những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, có bao nhiêu người có hộ khẩu thường trú tại xã/phường/thị trấn này?</p>	<p>SỐ NGƯỜI <input style="width: 30px; height: 20px; border: 1px solid black;" type="text"/> <input style="width: 30px; height: 20px; border: 1px solid black;" type="text"/></p>																												

## MỤC 1: THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ

1. HỌ VÀ TÊN NHỮNG NGƯỜI LÀ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ, BẮT ĐẦU TỪ CHỦ HỘ.

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

2. [TÊN] có mối quan hệ thế nào với chủ hộ?

- CHỦ HỘ.....1
- VỢ/CHỒNG.....2
- CON ĐỂ.....3
- CHÁU NỘI/NGOẠI.....4
- BÓ/MẸ.....5
- QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC.....6
- KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH....7

3. [TÊN] là nam hay nữ?

NAM 1  NỮ 2

4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?

THÁNG .....

NĂM .....     → C6

KHÔNG XĐ NĂM.....9998

5. Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?

TUỔI TRÒN

6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?

KINH.....1

DÂN TỘC KHÁC.....2

\_\_\_\_\_

TÊN DÂN TỘC

## MỤC 2 : ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

7. [TÊN] đã thường trú ở phường, thị trấn hay xã này được bao lâu?

- DƯỚI 1 THÁNG.....1
- 1 ĐẾN DƯỚI 6 THÁNG.....2
- 6 ĐẾN DƯỚI 12 THÁNG.....3
- 12 THÁNG ĐẾN DƯỚI 5 NĂM...4
- 5 NĂM TRỞ LÊN.....5
- KHÔNG DI CHUYỂN.....6
- KT1 ←

8. Cách đây 1 năm (vào ngày 01/8/2023), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?

- Ở NƯỚC NGOÀI.....1  → Câu 12
- CÙNG XÃ/PHƯỜNG.....2
- XÃ/PHƯỜNG KHÁC CÙNG HUYỆN/TX/TP...3
- Câu 10 ←
- HUYỆN/TX/TP KHÁC.....4

9. [TÊN] chuyển đến từ tỉnh/thành phố, quận/huyện nào?

\_\_\_\_\_

TÊN TỈNH/THÀNH PHỐ

\_\_\_\_\_

TÊN HUYỆN/TX/TP

10. Cách đây 1 năm, nơi thực tế thường trú nói trên của [TÊN] là phường, thị trấn hay xã ?

- PHƯỜNG/THỊ TRẤN .....1
- XÃ.....2

11. Lý do chính mà [TÊN] chuyển đến nơi ở hiện tại là gì?

- TÌM VIỆC/ BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC MỚI .....1
- MẤT/HẾT VIỆC, KHÔNG TÌM ĐƯỢC VIỆC .....2
- THEO GIA ĐÌNH/CHUYỂN NHÀ.....3
- KẾT HÔN .....4
- ĐI HỌC ... .....5
- KHÁC \_\_\_\_\_ 6

(GHI CỤ THỂ)

**KT1 : Kiểm tra câu 4, 5: Hỏi cho người từ 15 tuổi trở lên**

12. Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?

- ĐANG ĐI HỌC.....1
- ĐÃ THÔI HỌC.....2
- CHƯA BAO GIỜ ĐI HỌC....3

( trả lời mã 3 chuyển câu 14)



13. Trình độ giáo dục phổ thông **cao nhất** [TÊN] **đã tốt nghiệp/đạt được** là gì?

- DƯỚI TIỂU HỌC.....01
- TIỂU HỌC .....02
- TRUNG HỌC CƠ SỞ .....03
- TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 04

14. [TÊN] đạt được các trình độ nào sau đây?

**ĐTƯ ĐỌC VÀ HỎI ĐTDĐT LẦN LƯỢT TỪNG TRÌNH ĐỘ**

**NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG CẦN HỎI CÁC TRÌNH ĐỘ TỪ CAO ĐẲNG TRỞ LÊN**

CÓ      KHÔNG

- CHƯA CÓ BẰNG CẤP..... 1  2
- SƠ CẤP/GIẤY PHÉP LÁI XE ..... 1  2
- TRUNG CẤP ..... 1  2
- CAO ĐẲNG ..... 1  2
- ĐẠI HỌC..... 1  2
- THẠC SĨ ..... 1  2
- TIẾN SỸ..... 1  2

15. Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?

- CHƯA VỢ/CHỒNG .....1
- CÓ VỢ/CHỒNG.....2
- GOÁ VỢ/CHỒNG .....3
- LY HÔN.....4
- LY THÂN.....5

### MỤC 3: TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM (Chỉ hỏi cho người từ 15 tuổi trở lên)

16. Hiện tại [TÊN] có làm công việc gì để tạo thu nhập cho bản thân hoặc gia đình không?

CÓ .....1  → C19

KHÔNG .....2

17. Tuy không làm việc nhưng [TÊN] có được trả lương/trả công hoặc hưởng lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh không?

CÓ.....1  → C23

KHÔNG.....2

18. Có phải [TÊN] đã có một công việc và sẽ trở lại làm công việc đó trong 30 ngày tới không?

CÓ.....1

KHÔNG.....2  → C23

19. [TÊN] hãy mô tả công việc chính và chức danh (nếu có) ?

**VÍ DỤ 1:**

- MÔ TẢ CÔNG VIỆC CHÍNH: QUẢN LÝ THỢ LẮP RÁP THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ

- CHỨC DANH: QUẢN ĐỐC PHẦN XỬ LÝ

**VÍ DỤ 2:**

- MÔ TẢ CÔNG VIỆC CHÍNH: XÂY DỰNG NHÀ Ở

- CHỨC DANH: CHỦ THẦU

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

MÔ TẢ CÔNG VIỆC CHÍNH

\_\_\_\_\_ CHỨC DANH (NẾU CÓ)

(MÃ NGHỀ)

--	--	--	--

20. Tên cơ sở (nếu có) và hoạt động/sản phẩm hoặc dịch vụ chính của cơ sở nơi [TÊN] đang làm việc hoặc trước khi tạm nghỉ là gì?

**VÍ DỤ 1:**

- TÊN CƠ SỞ: XƯỞNG MAY, TỔNG CÔNG TY MAY VIỆT TIẾN

- HOẠT ĐỘNG/SẢN PHẨM/DỊCH VỤ CHÍNH: QUẦN ÁO

**VÍ DỤ 2:**

- TÊN CƠ SỞ: NHÀ HÀNG HOA LAN

- HOẠT ĐỘNG/SẢN PHẨM/DỊCH VỤ CHÍNH: DỊCH VỤ ĂN UỐNG

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

TÊN CƠ SỞ (NẾU CÓ)

HOẠT ĐỘNG/SẢN PHẨM/DỊCH VỤ CHÍNH

MÃ NGÀNH cấp 2

--	--

21. Cơ sở nơi [TÊN] làm việc có thuộc Khu công nghiệp/Cụm công nghiệp không ?

CÓ .....1

KHÔNG .....2

22. Với công việc này [TÊN] đã ký hợp đồng lao động nào?

Hợp đồng không xác định thời hạn.....1

Hợp đồng 1 năm đến dưới 3 năm.....2

Hợp đồng 3 tháng đến dưới 1 năm.....3

Hợp đồng dưới 3 tháng.....4

Hợp đồng giao khoán công việc.....5

Thoả thuận miệng.....6

Không có hợp đồng lao động.....7

23. [TÊN] có tham gia đóng bảo hiểm xã hội không?

CÓ.....1

KHÔNG.....2  → **C27**

24. Nếu có,[TÊN] đóng BHXH ở đâu?

Nơi đang làm việc .....1

Nơi khác.....2

25. Loại hình BHXH mà [TÊN] đang tham gia đóng là gì?

BHXH BẮT BUỘC.....1

BHXH TỰ NGUYỆN.....2

26. [TÊN] đã tham gia đóng BHXH được bao lâu?

DƯỚI 1 NĂM.....1

TỪ 1 ĐẾN DƯỚI 3 NĂM.....2

TỪ 3 ĐẾN DƯỚI 5 NĂM.....3

TỪ 5 ĐẾN DƯỚI 10 NĂM.....4

TỪ 10 NĂM TRỞ LÊN .....5

27. Trung bình một tháng [TÊN] thu nhập được bao nhiêu tiền: tiền công/tiền lương, lợi nhuận từ công việc này và các khoản thu nhập khác ? Tiền công/tiền lương bao gồm cả tiền làm thêm giờ, tiền thưởng, tiền phụ cấp nghề và tiền phúc lợi khác ?

Ghi số tiền

Nghìn đồng

28. [TÊN] có phải đóng thuế thu nhập cá nhân thường xuyên không?

CÓ.....1

KHÔNG.....2

#### MỤC 4: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở (hỏi thành viên đại diện hộ)

29. Hộ ông/bà có nhà ở hay không?

(ĐTV QUAN SÁT, KẾT HỢP VỚI HỎI VÀ TÍCH VÀO CÂU TRẢ LỜI PHÙ HỢP)

CÓ.....1

KHÔNG, ĐANG XÂY DỰNG VÀ Ở LÁN TẠM .....2

KHÔNG .....3

C36



30. Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà riêng lẻ?

NHÀ CHUNG CƯ.....1

NHÀ RIÊNG LẺ.....2

Ngôi nhà/căn hộ này có bao nhiêu phòng ngủ riêng biệt?

SỐ PHÒNG NGỦ RIÊNG BIỆT.....

31. Tổng diện tích **sử dụng để ở** của hộ gia đình Ông/Bà là bao nhiêu mét vuông?

DIỆN TÍCH (m<sup>2</sup>).....

32. Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) của ngôi nhà/căn hộ này là gì?

VẬT LIỆU BỀN CHẮC (BÊ TÔNG CỐT THÉP, XÂY GẠCH/ĐÁ, SẮT/THÉP/GỖ BỀN CHẮC).....1

VẬT LIỆU TẠM (GỖ TẠP/TRE, ĐÁT, VẬT LIỆU KHÁC) .....2

33. Vật liệu chính làm mái của ngôi nhà/căn hộ này là gì?

VẬT LIỆU BỀN CHẮC (BÊ TÔNG CỐT THÉP, NGÓI, TẤM LỢP) .....1

VẬT LIỆU TẠM (LÁ/RƠM RẠ/GIẤY DẦU, VẬT LIỆU KHÁC) .....2

34. Vật liệu chính làm tường hoặc bao che của ngôi nhà/căn hộ này là gì?

VẬT LIỆU BỀN CHẮC (BÊ TÔNG CỐT THÉP, XÂY GẠCH/ĐÁ, GỖ/KIM LOẠI).....1

VẬT LIỆU TẠM (ĐÁT VÔI/RƠM, PHIÊN/LIẾP/VÁN ÉP, VẬT LIỆU KHÁC) .....2

35. Ngôi nhà/căn hộ này được sử dụng từ năm nào?

TRƯỚC 1975.....1

TỪ 1975 ĐẾN 1999.....2

TỪ 2000 ĐẾN 2009.....3

TỪ 2010 ĐẾN NAY.....4

20

KHÔNG XÁC ĐỊNH.....

36. Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở thuộc quyền sở hữu của ai?

- NHÀ RIÊNG CỦA HỘ .....1
- NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA NHÀ NƯỚC.....2
- NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA CÁ NHÂN/TỰ NHÂN.....3
- NHÀ CỦA TẬP THỂ.....4
- CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU KHÁC HOẶC CHƯA RÕ QUYỀN SỞ HỮU.....5

37. Hộ Ông/ Bà hoặc thành viên hộ Ông/Bà có thuộc nhóm đối tượng nào sau đây không ?

CÂU 37 CÓ 1 Ô GHI CÓ THÌ HỎI CÂU 38, NẾU TẤT CẢ ĐỀU MÃ KHÔNG THÌ CHUYỂN CÂU 39

- |                                                                                                                                                               | 1.CÓ                     | 2.KHÔNG                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo .....                                                                                                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.....                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị .....                                                                                                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. Công nhân, người lao động đang làm việc tại các DN, HTX trong khu CN/cụm CN                                                                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6. Công nhân, người lao động đang làm việc tại các DN ngoài khu CN/cụm CN                                                                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7. Hộ gia đình thuộc lực lượng an ninh, quốc phòng.....                                                                                                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8. Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.....                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9. Hộ đã trả nhà công vụ.....                                                                                                                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 10. Học sinh, sinh viên trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt, trường dân tộc nội trú công lập .....                                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 11. Hộ thuộc diện phải thu hồi đất, giải tỏa, phá dỡ nhà ở mà chưa được đền bù bằng nhà ở, đất ở .....                                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

38. Hộ Ông/ Bà có được hỗ trợ về nhà ở không ?

- |                      | 1.CÓ                     | 2. KHÔNG                 |
|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Thuê nhà ở .....     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Thuê mua nhà ở ..... | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Mua nhà ở .....      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

39. Trong thời gian tới (đến năm 2030), hộ Ông/Bà có kế hoạch mua nhà/căn hộ ở tỉnh Bình Định không?

- CÓ..... 1
- KHÔNG ..... 2

CÂU 51 ←

40. Nếu có, hộ Ông/Bà dự định mua trong khoảng thời gian nào?

Từ 2024 - 2025 ..... 1

Từ năm 2026 đến năm 2030 .....2

---

41. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà/căn hộ ở huyện, thị xã, thành phố nào?

\_\_\_\_\_

Tên Huyện/Thị xã/Thành phố

---

42. Hộ Ông/Bà dự định mua loại hình nhà ở nào sau đây ? (Có thể lựa chọn cả 2 phương án)

Nhà ở xã hội .....1

Nhà ở thương mại .....2

Nhà ở khác.....3

---

43. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà ở chung cư hay nhà ở riêng lẻ?

Chung cư .....1

Nhà ở riêng lẻ .....2

---

44. Ông/Bà muốn mua nhà ở/căn hộ thuộc phân khúc nào?

Phân khúc nhà ở giá rẻ .....1

Phân khúc nhà ở tầm trung.....2

Phân khúc nhà ở cao cấp.....3

C47 ←

---

45. Hộ Ông/Bà dự định mua (sở hữu) nhà ở theo hình thức nào?

Mua.....1

Thuê mua.....2

---

46. Ông/Bà dự định sở hữu (mua) nhà ở có bao nhiêu tầng ?

DƯỚI 5 TẦNG.....1

TỪ 5 ĐẾN 10 TẦNG .....2

TỪ 11 ĐẾN 20 TẦNG.....3

TRÊN 20 TẦNG.....4

---

47. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà/căn hộ có diện tích và số phòng ngủ là bao nhiêu?

DIỆN TÍCH:    M<sup>2</sup>      Số phòng ngủ

---

48. Nếu mua nhà/căn hộ, hộ Ông/Bà có đủ tiền để mua không hay phải vay thêm?

CÓ ĐỦ TIỀN.....1  → C52

PHẢI VAY THÊM.....2

49. Hộ Ông/Bà định vay thêm từ nguồn nào?

VAY THÊM NGÂN HÀNG .....1

VAY THÊM TỪ NGUỒN KHÁC .....2

CẢ HAI HÌNH THỨC TRÊN.....3

50. Nếu phải vay thêm tiền, hộ Ông/Bà phải vay khoảng bao nhiêu % giá trị ngôi nhà/căn hộ từ các nguồn vay ?

%  $\longrightarrow$  C54

51. Nếu không thể mua, hoặc không muốn mua. Hộ Ông/Bà có muốn thuê nhà ở tại tỉnh Bình Định không?

CÓ .....1

KHÔNG.....2   $\longrightarrow$  C54

52. Hộ Ông/Bà muốn thuê ở huyện, thị xã, thành phố nào?

\_\_\_\_\_

TÊN HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ

53. Hộ Ông/Bà muốn thuê căn nhà/căn hộ có diện tích và số phòng ngủ là bao nhiêu?

DIỆN TÍCH:  M<sup>2</sup>

Số phòng ngủ

54. Nếu hộ Ông/Bà thuộc diện phải thu hồi đất ở, giải tỏa, phá dỡ nhà ở, hộ Ông/Bà lựa chọn hình thức hỗ trợ nào ?

Nhận nhà ở tái định cư .....1   $\longrightarrow$  Kết thúc phỏng vấn

Nhận tiền hỗ trợ để tự lo tái định cư .....2

55. Nguyên nhân nào khiến hộ Ông/Bà không muốn nhận nhà ở tái định cư ?

Giá bán nhà cao .....1

Vị trí ở xa với vị trí giải phóng mặt bằng.....2

Chất lượng nhà ở không đảm bảo.....3

Nguyên nhân khác (ghi rõ) .....4

56. Nếu Nhà nước/Chủ đầu tư bố trí nhà ở thương mại để phục vụ tái định cư, hộ Ông/Bà có muốn nhận nhà ở tái định cư không ?

CÓ.....1

KHÔNG.....2

Xin Ông/bà cho biết điện thoại liên hệ của hộ: .....

## Phụ lục II

# YÊU CẦU ĐỐI VỚI ĐIỀU TRA VIÊN THỐNG KÊ

### 1. Tiêu chuẩn đối với điều tra viên

Điều tra viên (ĐTV) là những người được Chi cục Thống kê cấp huyện tuyển chọn, được tập huấn và thực hiện điều tra thu thập thông tin tại địa bàn, có vai trò quan trọng quyết định đến chất lượng thông tin thu thập và sự thành công của cuộc điều tra. ĐTV được tuyển chọn dựa trên các tiêu chí sau:

- Là người đã tham gia các cuộc điều tra thống kê gần đây hoặc là người sinh sống tại địa bàn điều tra;

- ĐTV phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên (những nơi khó khăn, có thể tuyển chọn người có trình độ trung học cơ sở), có tinh thần trách nhiệm, được tập huấn nghiệp vụ điều tra, có sức khỏe, có và sử dụng thành thạo máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh để thực hiện điều tra thu thập thông tin bằng phiếu điều tra điện tử.

### 2. Nhiệm vụ cụ thể của điều tra viên

#### 2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị

a. *Tham dự tập huấn nghiệp vụ điều tra:* Tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn nghiệp vụ điều tra, tham gia đầy đủ và tích cực các buổi đi thực tập tại địa bàn. ĐTV chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, liên hệ với tình hình thực tế của địa phương để nắm vững phạm vi trách nhiệm của mình, cụ thể hoá các vấn đề nghiệp vụ và phương pháp điều tra.

b. *Nhận đầy đủ các tài liệu, phương tiện điều tra:* Phiếu điều tra và các sổ tay hướng dẫn điều tra, bảng kê số hộ và số người (kèm danh sách các hộ mẫu được chọn điều tra)....

c. *Chuẩn bị địa bàn điều tra:* Nhận bàn giao địa bàn điều tra từ đội trưởng trên bảng kê và trên thực địa. Rà soát bảng kê, kiểm tra, đối chiếu toàn bộ các ngôi nhà (kể cả nhà có người ở và nhà không có người ở) trong địa bàn và bảng kê số nhà, số hộ, số người. Phát hiện những ngôi nhà có người ở, những hộ và những nhân khẩu thực tế thường trú trong phạm vi địa bàn mình phụ trách bị bỏ sót hoặc mới chuyển đến để bổ sung, hiệu chỉnh hoặc lập mới bảng kê. Kiểm tra những hộ đã được giao điều tra xem hiện tại có còn hiện diện tại địa bàn hay không.

d. *Thăm và hẹn ngày làm việc cụ thể với từng hộ:* ĐTV xây dựng lịch làm việc cụ thể cho ngày điều tra đầu tiên và những ngày tiếp theo nhằm tránh phải trở lại hộ nhiều lần. Phát hiện những hộ có thể đi vắng trong suốt thời gian điều tra để có kế hoạch điều tra phù hợp.

#### 2.2. Trong giai đoạn điều tra

a. *Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra trong nhân dân và khi tiếp xúc với hộ.*



*b. Thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin.* Việc phỏng vấn, nhập thông tin vào phiếu điện tử phải tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, bảo đảm không điều tra trùng hoặc bỏ sót đối tượng điều tra, cũng như không ghi thừa hay bỏ sót một thông tin nào trên phiếu.

*c. Phỏng vấn đầy đủ các hộ, các đối tượng điều tra được giao thuộc địa bàn phụ trách.*

*d. Điều tra theo đúng tiến độ quy định:* Thực hiện điều tra theo đúng tiến độ quy định. Đội ngũ đội trưởng, giám sát viên giúp ĐTV khắc phục hết các sai sót xảy ra, nhất là các lỗi hệ thống trong phỏng vấn và ghi phiếu. ĐTV cần tuyệt đối tránh tư tưởng chủ quan, lướt nhanh, làm ẩu dẫn đến kết quả kém chính xác. Thực hiện đồng bộ dữ liệu, gửi kết quả điều tra phiếu điện tử lên máy chủ theo đúng quy định.

*đ. Cuối mỗi ngày điều tra:* Kiểm tra lại các phiếu đã nhập thông tin, phát hiện các sai sót để sửa chữa kịp thời, nếu cần thiết phải quay lại hộ để xác minh và sửa chữa. Việc sửa chữa những sai sót phải theo đúng quy định.

*e. Tuân thủ sự chỉ đạo của đội trưởng và giám sát viên các cấp:* Trong thời gian thực thi nhiệm vụ của mình, ĐTV phải chấp hành nghiêm chỉnh sự điều hành của đội trưởng và giám sát viên các cấp. Có tinh thần tương trợ, giúp đỡ các ĐTV khác về nghiệp vụ cũng như về công việc.

*f. Không được tiết lộ các thông tin ghi trên phiếu cho người thứ ba.*

### **2.3. Khi kết thúc điều tra**

*Rà soát bảng kê* (kèm danh sách các hộ mẫu được chọn điều tra) nhằm phát hiện các hộ mẫu và nhân khẩu thực tế thường trú thuộc địa bàn điều tra đã được phân công mà chưa được điều tra ghi phiếu. Nếu có, phải tiến hành điều tra bổ sung.

**3. Quyền lợi của ĐTV:** ĐTV được thông báo về các khoản thù lao được hưởng và được thanh toán theo tỷ lệ hoàn thành (*căn cứ vào số lượng phiếu điều tra được nghiệm thu thanh toán*).

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ  
ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ  
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Bình Định – tháng 07 năm 2024**



## LỜI NÓI ĐẦU

Phát triển nhà ở là một trong những nội dung quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định, gắn với định hướng phát triển đô thị được xác định trong Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội tỉnh Bình Định.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 3211/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025; trong đó, giao cho Cục Thống kê phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện điều tra, thống kê đánh giá thực trạng dân số, nhà ở và nhu cầu về nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh, các chỉ tiêu phát triển nhà ở theo Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh.

Trên cơ sở đó, Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã phối hợp với Sở Xây dựng xây dựng Phương án và Kế hoạch Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở. Thông tin của cuộc điều tra này được thu thập từ phiếu điều tra hộ mẫu. Phiếu điều tra được thiết kế để thu thập thông tin về tình hình dân số, việc làm, nhà ở, nhu cầu mua và thuê mua nhà ở của người dân.

Để hướng dẫn các tổ trưởng và điều tra viên thống kê thực hiện nhiệm vụ được phân công theo đúng quy định của điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở năm 2024, thu thập thông tin phiếu điều tra mẫu đúng phạm vi, đầy đủ thông tin và phản ánh chính xác tình hình thực tế của các hộ dân cư; Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã biên soạn Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở năm 2024 (Phiếu điều tra mẫu). Cuốn Sổ tay này gồm các nội dung chính sau:

- Mục đích, yêu cầu của điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở;
- Quy định chung của cuộc điều tra;
- Quy trình điều tra và các quy định của phiếu điều tra;

- Hướng dẫn cách hỏi và ghi phiếu điều tra.

Cục Thống kê tỉnh Bình Định trân trọng giới thiệu cuốn “Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở tỉnh Bình Định” tới các nhà quản lý các cấp, giám sát viên, tổ trưởng điều tra và điều tra viên thống kê để thống nhất thực hiện./.

## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU .....</b>	<b>3</b>
<b>CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>7</b>
<b>PHẦN I:.....</b>	<b>8</b>
<b>MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH .....</b>	<b>8</b>
I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU .....	8
1. Mục đích điều tra.....	8
2. Yêu cầu điều tra.....	8
3. Yêu cầu đối với điều tra viên khi thực hiện phỏng vấn .....	9
3.1. <i>Xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời .....</i>	<i>9</i>
3.2. <i>Xây dựng kỹ năng phỏng vấn .....</i>	<i>9</i>
II. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN THỐNG KÊ .....	10
1. Trong giai đoạn chuẩn bị.....	10
2. Trong giai đoạn điều tra .....	11
3. Khi kết thúc điều tra .....	12
III. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔ TRƯỞNG ĐIỀU TRA.....	12
1. Trong giai đoạn chuẩn bị.....	13
2. Trong giai đoạn điều tra .....	13
2.1. <i>Các vấn đề chung tại địa bàn điều tra .....</i>	<i>13</i>
2.2. <i>Đối với điều tra viên .....</i>	<i>13</i>
<b>PHẦN II QUY ĐỊNH CHUNG CỦA ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2024 .....</b>	<b>14</b>
I. THỜI ĐIỂM ĐIỀU TRA .....	14
II. THỜI GIAN ĐIỀU TRA .....	15
III. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN .....	15
IV. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA.....	15
V. ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA, ĐƠN VỊ NHÀ Ở, NƠI Ở VÀ NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN .....	16
1. Đơn vị điều tra.....	16
2. Đơn vị nhà ở .....	17
3. Nơi ở.....	17
4. Người cung cấp thông tin .....	17
VI. NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ.....	18

<b>PHẦN III QUY TRÌNH ĐIỀU TRA VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA.....</b>	<b>23</b>
<b>I. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA.....</b>	<b>23</b>
1. Cập nhật Bảng kê hộ trước thời điểm điều tra .....	23
2. Điều tra thu thập thông tin tại hộ.....	23
<b>II. QUY ĐỊNH CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA VÀ CÁCH GHI CÂU TRẢ LỜI ...</b>	<b>24</b>
1. Quy định của phiếu điều tra .....	24
1.1. Các loại chữ trong phiếu hỏi.....	24
1.2. Các ký hiệu trả lời câu hỏi .....	24
1.2.1. Ký hiệu để chọn phương án trả lời.....	24
Ký hiệu để chọn phương án trả lời là ô vuông nhỏ. ....	24
1.2.2. Ký hiệu để ghi thông tin .....	24
2. Cách ghi chép thông tin.....	25
3. Cách sửa lỗi .....	25
- Trường hợp vừa mới ghi sai hoặc tích sai ô mã, ĐTV xóa thông tin cũ và ghi lại thông tin mới chính xác vào các ô phù hợp. ....	25
<b>PHẦN IV HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI, GHI THÔNG TIN TRANG BÌA VÀ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ.....</b>	<b>26</b>
<b>I. GIỚI THIỆU PHIẾU ĐIỀU TRA.....</b>	<b>26</b>
<b>II. CÁCH GHI TRANG BÌA CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA.....</b>	<b>26</b>
1. Thông tin định danh .....	26
2. Thông tin kết quả điều tra.....	27
3. Phần ký xác nhận.....	27
<b>III. CÁCH HỎI VÀ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ.....</b>	<b>27</b>
<b>PHẦN V.....</b>	<b>30</b>
<b>HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI THÔNG TIN NỘI DUNG PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở (PHIẾU DÀNH CHO HỘ DÂN CU) (PHIẾU 01/NO-HO) .....</b>	<b>30</b>
<b>MỤC 1: THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ.....</b>	<b>30</b>
<b>MỤC 2: ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA .....</b>	<b>34</b>
<b>MỤC 3: TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM.....</b>	<b>40</b>
<b>MỤC 4: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở .....</b>	<b>51</b>

## CÁC THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

<b>Ký hiệu/Viết gọn</b>	<b>Giải thích/Tên đầy đủ</b>
CAPI	Thu thập thông tin bằng phiếu điện tử
ĐBĐT	Địa bàn điều tra
ĐTĐT	Đối tượng điều tra
ĐTV	Điều tra viên thống kê
GSV	Giám sát viên
NKTTTT	Nhân khẩu thực tế thường trú
TT	Tổ trưởng điều tra



**PHẦN I:**  
**MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA ĐIỀU TRA THU THẬP**  
**THÔNG TIN THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở**  
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích điều tra**

Điều tra thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở là cuộc điều tra chọn mẫu được thực hiện trong năm 2024 nhằm mục đích:

- Xác định thực trạng, tình hình thực hiện một số chỉ tiêu phát triển nhà ở theo Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 như: Dân số có nhà ở, tỷ lệ hộ có nhà ở (*nhà ở chung cư, nhà ở xã hội, nhà ở riêng lẻ*); diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực đô thị, nông thôn và toàn tỉnh.

- Dự báo nhu cầu nhà ở xã hội; chuẩn bị kế hoạch triển khai thực hiện nhà ở xã hội năm 2025 và các năm tiếp theo, phù hợp với nhu cầu thị trường, đáp ứng nhu cầu nhà ở.

- Xác định nhu cầu của người dân đối với từng loại hình nhà ở, khả năng chi trả (*mua, thuê, thuê mua; có khả năng chi trả toàn bộ hoặc vay vốn mua, thuê mua nhà*).

- Làm cơ sở đánh giá kết quả phát triển nhà ở và nhà ở xã hội hàng năm và xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội tỉnh Bình Định năm tiếp theo.

**2. Yêu cầu điều tra**

- Thực hiện điều tra theo đúng các nội dung quy định của Phương án điều tra;

- Bảo mật thông tin cá nhân thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;

- Việc quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra phải bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả;

- Kết quả điều tra phải đáp ứng được mục đích của cuộc điều tra.

### **3. Yêu cầu đối với điều tra viên khi thực hiện phỏng vấn**

#### ***3.1. Xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời***

Để có được một cuộc phỏng vấn thành công, công việc đầu tiên của điều tra viên thống kê (viết gọn là ĐTV) là xây dựng mối quan hệ tốt với người trả lời. Dưới đây là một số công việc ĐTV cần phải thực hiện:

- Khi đến hộ, ĐTV phải chào hỏi, giới thiệu bản thân và giới thiệu mục đích của việc phỏng vấn thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở.

- ĐTV phải ăn mặc gọn gàng, lịch sự, không uống rượu, bia trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn điều tra (viết gọn là ĐBĐT).

- Luôn tỏ thái độ thiện chí, cởi mở, hòa nhã, lịch sự và thân thiện với những người mà mình tiếp xúc. Không nên tỏ thái độ rụt rè hoặc đưa ra các câu hỏi dễ dẫn đến việc hộ từ chối trả lời các câu hỏi của điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở.

- Trả lời thẳng thắn những câu hỏi mà ĐBĐT đưa ra, đặc biệt là những câu hỏi về mục đích của việc điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở; tránh tỏ ra khó chịu khi người trả lời từ chối cuộc phỏng vấn.

#### ***3.2. Xây dựng kỹ năng phỏng vấn***

Một cuộc phỏng vấn thành công, không chỉ phụ thuộc vào việc ĐTV cố gắng xây dựng được mối quan hệ tốt với ĐBĐT mà còn phụ thuộc vào phương pháp và kỹ năng tiến hành phỏng vấn của ĐTV.

Phỏng vấn là một nghệ thuật và không được coi đó là một việc làm máy móc. Mỗi cuộc phỏng vấn mang đến một nguồn thông tin mới, vì thế tạo nên sự hưng phấn cho ĐTV. Khi tiến hành phỏng vấn, ĐTV phải bảo đảm thực hiện tốt các yêu cầu sau:

- Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phỏng vấn: Đối với mỗi câu hỏi đưa ra, không tỏ thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với câu trả lời của

ĐTĐT. Nếu câu trả lời chưa rõ ràng, hãy đưa ra các câu hỏi thăm dò để ĐTĐT hiểu rõ nội dung của câu hỏi và cung cấp các thông tin chính xác, đầy đủ.

- Không được gợi ý câu trả lời, không được đọc các phương án trả lời in sẵn bằng chữ in hoa cho ĐTĐT nghe.

- Không thay đổi từ ngữ hoặc trình tự các câu hỏi. Trường hợp từ ngữ địa phương khác với ngôn ngữ phổ thông, ĐTV có thể sử dụng từ ngữ địa phương để thay thế khi đặt câu hỏi. Nếu người trả lời không hiểu hoặc hiểu sai câu hỏi, ĐTV nhắc lại câu hỏi chậm và rõ. Nếu người trả lời vẫn không hiểu, ĐTV có thể diễn tả lại câu hỏi nhưng phải thận trọng, không được làm thay đổi nội dung của câu hỏi gốc.

- Không phỏng vấn vội vàng: ĐTV đọc các câu hỏi chậm và rõ ràng. Sau khi đưa ra câu hỏi, ĐTV nên dừng lại và dành thời gian cho ĐTĐT suy nghĩ. Trường hợp ĐTĐT đang vội giải quyết việc riêng, ĐTV có thể dừng cuộc phỏng vấn và hẹn quay trở lại vào thời điểm thích hợp, không ép ĐTĐT phải tiếp tục cuộc phỏng vấn.

## **II. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN THỐNG KÊ**

ĐTV là người trực tiếp đến từng hộ trong ĐBĐT được phân công, gặp chủ hộ (hoặc người đại diện của hộ) và các nhân khẩu thực tế thường trú (viết gọn là NKTTTT) trong hộ để phỏng vấn trực tiếp và ghi thông tin về dân số và nhà ở vào phiếu điều tra. ĐTV là lực lượng trực tiếp thực hiện thu thập thông tin của điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở, do vậy ĐTV là người quyết định mức độ chính xác của từng câu trả lời ghi trong phiếu điều tra. Trong từng giai đoạn của cuộc điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở, ĐTV có những nhiệm vụ cụ thể sau:

### **1. Trong giai đoạn chuẩn bị**

- Tham dự tập huấn nghiệp vụ điều tra: ĐTV phải tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn nghiệp vụ; chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, tích cực tham gia các phiên thảo luận, liên hệ với tình hình thực tế của địa phương để nắm vững phạm vi trách nhiệm của mình, cụ thể hoá các vấn đề nghiệp vụ và phương

pháp điều tra, ghi chép và bảo quản tài liệu, phương tiện điều tra. ĐTV phải lưu giữ các tài liệu tập huấn (Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng CAPI, phiếu điều tra) để sử dụng trong quá trình thực hiện điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở.

- Kiểm tra danh sách các ĐBĐT và các hộ được phân công thu thập thông tin để thực hiện phiếu điện tử (phiếu điều tra được cài đặt trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh của ĐTV).

## **2. Trong giai đoạn điều tra**

- Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở trong nhân dân và khi tiếp xúc với hộ.

- Hợp tác với các ĐTV khác, thực hiện sự chỉ đạo của tổ trưởng điều tra và giám sát viên (viết gọn là GSV) các cấp. Trong thời gian thực thi nhiệm vụ của mình, ĐTV phải chấp hành nghiêm chỉnh sự điều hành và ý kiến đóng góp của tổ trưởng và GSV các cấp; có tinh thần tương trợ, giúp đỡ các ĐTV khác về nghiệp vụ cũng như công việc chung.

- Thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin là phỏng vấn trực tiếp, tức ĐTV phải đến hộ và gặp chủ hộ hoặc người am hiểu thông tin về các thành viên hộ để phỏng vấn. Nếu chủ hộ hoặc người đại diện của hộ không nhớ chính xác về thông tin nào đó của một thành viên trong hộ, ĐTV phải gặp để hỏi trực tiếp thành viên đó. Trường hợp khi ĐTV đến hộ, không có một thành viên nào là người lớn ở nhà, ĐTV hẹn quay lại hộ vào thời gian khác. Đối với các thông tin cá nhân và tình hình lao động việc làm, ĐTV cần gặp trực tiếp ĐTĐT để phỏng vấn và thu thập thông tin.

- Phỏng vấn đầy đủ các hộ thuộc ĐBĐT đã được giao phụ trách: Việc phỏng vấn ghi thông tin vào phiếu phải tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, bảo đảm không điều tra trùng hoặc bỏ sót ĐTĐT, cũng như không ghi thừa hay bỏ sót các câu hỏi trên phiếu điều tra.

- Điều tra theo đúng tiến độ quy định: Công tác điều tra tại địa bàn được thực hiện trong khoảng 25 ngày (bao gồm cả thời gian di chuyển trong địa bàn),

bắt đầu từ ngày **01/8/2024**. Trong suốt quá trình điều tra, ĐTV cần đảm bảo thực hiện đúng quy trình phỏng vấn để thu thập thông tin một cách đầy đủ và chính xác, đồng thời cần kiểm soát tốc độ phỏng vấn nhằm đảm bảo tiến độ điều tra theo đúng quy định.

- Khi hoàn thành phỏng vấn hộ: Thực hiện kiểm tra lại các phiếu đã phỏng vấn, kiểm tra câu trả lời của từng câu hỏi, đảm bảo thực hiện đúng bước chuyên và không bỏ sót cũng như không ghi thừa câu hỏi, phát hiện các sai sót để sửa chữa kịp thời. Nếu cần thiết, ĐTV phải quay lại hộ để xác minh và sửa chữa. Việc sửa chữa những sai sót phải thực hiện theo đúng quy định.

- Cuối mỗi ngày điều tra, ĐTV phải kiểm tra lại tất cả các phiếu đã điều tra được trong ngày, kiểm tra lại các thông tin ghi trong phiếu bảo đảm đầy đủ, chính xác và hợp lý; lập kế hoạch trở lại hộ để xác minh thêm thông tin và hoàn thiện các phiếu chưa hoàn thành hoặc còn lỗi.

- Không được tiết lộ các thông tin đã điền trên phiếu điều tra cho người khác.

- **Đối với phiếu điện tử:** ĐTV phải thực hiện đồng bộ (gửi) dữ liệu điều tra về máy chủ thường xuyên trong quá trình điều tra, ít nhất 01 lần/ngày vào cuối mỗi ngày.

### **3. Khi kết thúc điều tra**

Rà soát số lượng hộ nhằm phát hiện những hộ hoặc nhân khẩu thuộc ĐTĐT nhưng chưa được điều tra ghi phiếu. Nếu có, phải tiến hành điều tra. ĐTV phải kiểm tra để đảm bảo các dữ liệu đã được đồng bộ (gửi) về máy chủ; lưu giữ phiếu hỏi và chương trình trên thiết bị di động đến ngày **25/8/2024**.

### **III. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔ TRƯỞNG ĐIỀU TRA**

Tổ trưởng điều tra (viết gọn là TT) là người được giao chịu trách nhiệm giám sát công việc của một số ĐTV do mình quản lý. Do vậy, TT không những cần nắm vững các ĐBĐT do mình phụ trách, mà còn phải nắm rõ năng lực, tinh thần trách nhiệm của các ĐTV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại ĐBĐT.

TT ngoài việc giám sát, hỗ trợ ĐTV, còn làm nhiệm vụ cầu nối giữa ĐTV với Chi cục Thống kê cấp Huyện trong việc giải quyết các vướng mắc, khó khăn của ĐTV phát sinh trong quá trình điều tra. TT cũng sẽ nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ của Chi cục Thống kê cấp Huyện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trong từng giai đoạn của cuộc điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở, TT có những nhiệm vụ cụ thể sau:

### **1. Trong giai đoạn chuẩn bị**

- Tham dự tập huấn nghiệp vụ điều tra: TT phải tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn nghiệp vụ; chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, tích cực tham gia các phiên thảo luận, nắm bắt đầy đủ các vấn đề nghiệp vụ và phương pháp điều tra. TT cần lưu giữ các tài liệu tập huấn (Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng CAPI, phiếu điều tra) để sử dụng trong quá trình thực hiện điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở.

- Kiểm tra việc chuẩn bị của ĐTV trước khi thực hiện điều tra thực địa: Thiết bị di động, các tài liệu hướng dẫn điều tra.

### **2. Trong giai đoạn điều tra**

#### ***2.1. Các vấn đề chung tại địa bàn điều tra***

- Tuyên truyền, giới thiệu mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra Thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở năm 2024 trong nhân dân; hỗ trợ ĐTV tiếp cận hộ.

- Triển khai các thông báo, hướng dẫn nghiệp vụ từ Chi cục Thống kê cấp huyện đến ĐTV do mình phụ trách và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh khác.

- TT không được tiết lộ các thông tin đã điền trên phiếu điều tra cho người khác.

#### ***2.2. Đối với điều tra viên***

- Nhắc nhở ĐTV thực hiện đúng phương pháp thu thập thông tin là phỏng vấn trực tiếp hộ dân cư; tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, bảo đảm không điều tra trùng hoặc bỏ sót ĐTĐT, cũng như không ghi

thừa hay bỏ sót các câu hỏi trên phiếu điều tra trong quá trình điều tra; đảm bảo tiến độ điều tra theo đúng quy định. TT cần tập trung giúp các ĐTV năng lực yếu, gặp khó khăn trong quá trình phỏng vấn ghi phiếu.

- Giám sát chặt chẽ công việc của ĐTV thông qua quan sát phỏng vấn, kiểm tra, phỏng vấn lại một số hộ (khi cần thiết). Đặc biệt, TT cần giám sát việc ĐTV có đến gặp hộ để phỏng vấn trực tiếp hay không. Trong trường hợp phát hiện ĐTV không đến hộ hoặc đến hộ phỏng vấn qua loa, TT cần yêu cầu ĐTV đến hộ để phỏng vấn lại.

- Thông báo tới ĐTV các lỗi trong phiếu điều tra để ĐTV kiểm tra, xác minh lại và hoàn thiện phiếu điều tra ngay trong quá trình điều tra thu thập thông tin.

- Phối hợp với ĐTV giải quyết kịp thời các công việc phát sinh tại địa bàn như: hộ từ chối trả lời phỏng vấn; hộ đi vắng trong quá trình điều tra; mất hoặc hư hỏng tài liệu, phương tiện điều tra, thiên tai, thảm họa hoặc điều kiện bất thường để không làm ảnh hưởng đến công tác điều tra.

- TT nhắc ĐTV thực hiện đồng bộ (gửi) dữ liệu điều tra về máy chủ thường xuyên trong quá trình điều tra ít nhất 01 lần/ngày vào cuối mỗi ngày.

## **PHẦN II**

### **QUY ĐỊNH CHUNG CỦA ĐIỀU TRA THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2024**

#### **I. THỜI ĐIỂM ĐIỀU TRA**

Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 01/8/2024.

Trong thời gian điều tra, cho dù đến hộ để phỏng vấn vào bất kỳ ngày, giờ nào, ĐTV cũng phải lấy mốc thời điểm là 0 giờ ngày 01/8/2024 để xác định số NKTTTT tại hộ và các thông tin cá nhân của NKTTTT. Đối với các câu hỏi về tình hình di cư, việc làm ĐTV phải căn cứ vào khoảng thời gian thu thập thông tin để xác định đầy đủ các sự kiện.

## II. THỜI GIAN ĐIỀU TRA

Thời gian điều tra là thời gian thu thập thông tin tại địa bàn, khoảng 25 ngày (kể cả thời gian di chuyển), bắt đầu từ ngày 01/8/2024 đến hết ngày 25/8/2024.

## III. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

Điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp: ĐTV đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử.

Khi thu thập các thông tin về nhà ở, ĐTV hỏi người cung cấp thông tin kết hợp với quan sát trực tiếp ngôi nhà/căn hộ để ghi câu trả lời vào phiếu điều tra. Đối với những người tạm vắng trong suốt thời gian điều tra, ĐTV có thể hỏi những người khác trong hộ, hoặc xin số điện thoại để gọi và hỏi trực tiếp người đó về những thông tin mà người khác trong hộ không nắm rõ, hoặc dựa vào những tài liệu do người thân hoặc chính quyền cung cấp để ghi phiếu điều tra.

## IV. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

ĐTĐT của cuộc điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở bao gồm:

- NKTTTT của hộ dân cư được chọn mẫu trên các ĐBĐT được chọn (bao gồm cả những người làm trong ngành quân đội, công an và **người nước ngoài** thường xuyên ăn, ở tại hộ);

- Nhà ở của hộ dân cư trên các ĐBĐT được chọn.

ĐTĐT **không** bao gồm người thuộc lực lượng vũ trang đang sống trong khu doanh trại do quân đội và công an quản lý nhưng vẫn điều tra những người thuộc lực lượng vũ trang hiện đang là NKTTTT tại hộ.



## **V. ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA, ĐƠN VỊ NHÀ Ở, NƠI Ở VÀ NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN**

### **1. Đơn vị điều tra**

Đơn vị điều tra là hộ. Hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

Theo khái niệm về hộ dân cư, những người giúp việc gia đình, người ở trọ và những người không có quan hệ họ hàng cũng được coi là thành viên hộ (còn gọi là NKTTTT tại hộ) nếu họ thường xuyên ngủ chung và ăn chung trong ngôi nhà/căn hộ/nơi ở của hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra.

Một hộ thường sử dụng toàn bộ hay một phần của 01 ngôi nhà/căn hộ nhưng cũng có những hộ sống trong các lều, lán, trại, nhà trọ, khách sạn hoặc nhà tập thể, doanh trại, ký túc xá,... hoặc không có nhà ở.

Các quy định về xác định hộ đối với một số trường hợp đặc biệt như sau:

- Một người tuy ở chung trong ngôi nhà/căn hộ/nơi ở với 01 hộ nhưng lại nấu ăn riêng hoặc ăn ở nơi khác, thì người đó không được coi là thành viên hộ, mà phải tách ra thành 01 hộ riêng.

- Nếu 01 gia đình có (thuê) 02 ngôi nhà hoặc căn phòng sát nhau để ở thì tính là 01 hộ.

- Đối với những người ở chung trong 01 phòng trọ nhưng ăn riêng thì quy ước mỗi phòng trọ là 01 hộ. Ví dụ: Có 03 công nhân ở chung phòng trọ nhưng ăn riêng thì vẫn tính họ là 01 hộ.

- Một nhóm người tuy ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở các ngôi nhà/căn hộ/nơi ở khác nhau, thì nhóm này tạo thành các hộ khác nhau, mỗi nhóm người ngủ ở những ngôi nhà/căn hộ/nơi ở cùng nhau thì nhóm thành 01 hộ. Ví dụ: Một nhóm gồm 02 người góp tiền nấu cơm ăn chung vào buổi trưa hoặc buổi chiều tối nhưng đến tối ai về nhà người đó ngủ thì tính là 02 hộ khác nhau.

Trường hợp đặc biệt, khi các trẻ em (hoặc người già) đang phụ thuộc kinh tế vào bố, mẹ (hoặc con) nhưng lại ngủ ở (các) ngôi nhà/căn hộ/nơi ở gần đó (hộ có nhiều nơi ở) thì quy ước coi số trẻ em (hoặc người già) này là thành viên hộ của bố, mẹ (hoặc con) và được điều tra chung vào 01 hộ.

## **2. Đơn vị nhà ở**

Nhà ở là một công trình xây dựng bao gồm 03 bộ phận: sàn, mái, tường và được dùng để ở.

Đơn vị nhà ở là nơi ở có cấu trúc riêng biệt và độc lập, theo đó nó được xây dựng, biến đổi hoặc sắp xếp, được dùng làm nơi ở cho 01 hoặc nhiều hộ. Nó có thể là 01 khu nhà/ngôi nhà/căn hộ/phòng ở. Lưu ý: Trường hợp nhà bè ở trên sông, hồ có đầy đủ 03 bộ phận: sàn, mái, tường như định nghĩa trên được tính là đơn vị nhà ở. Một phần của 01 ngôi nhà (phòng hoặc nhóm phòng) cũng có thể là đơn vị nhà ở nếu thỏa mãn 02 điều kiện sau: (i) Riêng biệt: Một phần của ngôi nhà phải có tiện nghi để ngủ, nấu ăn và những người cư trú trong đó phải tách biệt với các hộ khác trong ngôi nhà bằng bức tường hoặc vách ngăn; (ii) Lối vào trực tiếp: Có thể vào trực tiếp một phần của ngôi nhà từ bên ngoài ngôi nhà. Tức là những người cư trú có thể đi vào trong hoặc ra ngoài ngôi nhà mà không phải đi qua nơi ở của bất kỳ ai.

## **3. Nơi ở**

Nơi ở là nơi con người dùng để ở (ăn, ngủ, sinh hoạt), đó có thể là 01 ngôi nhà/căn hộ nhưng cũng có thể là những nơi không phải là ngôi nhà/căn hộ nhưng được cải tạo hoặc thu xếp để làm nơi cư trú hoặc là nơi được sử dụng làm nơi cư trú mặc dù thực sự nó không được dự định để làm nơi cư trú, như: toa xe, toa tàu, gầm cầu, hang, động,...

## **4. Người cung cấp thông tin**

Chủ hộ (hoặc người am hiểu về các thành viên trong hộ) là người cung cấp thông tin về NKTTTT, các trường hợp chết, thông tin về nhà ở và điều kiện sống của hộ. Đối với những thông tin về thành viên hộ mà chủ hộ hoặc người đại diện

của hộ không nắm chắc, ĐTV phỏng vấn trực tiếp thành viên hộ để hỏi các thông tin này.

Riêng thông tin về lao động việc làm, ĐTV phải phỏng vấn trực tiếp ĐTDĐT là người từ 15 tuổi trở lên.

## **VI. NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ**

NKTTTT tại hộ là những người thực tế thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra đã được từ 06 tháng trở lên và những người mới chuyển đến dưới 06 tháng nhưng xác định sẽ ăn, ở ổn định tại hộ, trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra và những người tạm vắng, không phân biệt họ có hay không có hộ khẩu thường trú.

### **Những trường hợp sau đây được xác định là NKTTTT tại hộ:**

(1) Những người thực tế thường xuyên ăn, ở tại hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra, không phân biệt họ có hay không có hộ khẩu thường trú; những người tuy đã có giấy tờ di chuyển (giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh, quyết định tuyển dụng, chuyển chuyên công tác,...) nhưng đến thời điểm điều tra họ vẫn chưa rời khỏi hộ để đến nơi ở mới.

*NKTTTT tại hộ bao gồm cả những người làm trong ngành quân đội, công an thường xuyên ăn, ở tại hộ.*

Một số trường hợp đã sống tại hộ từ 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra nhưng **không** được tính là NKTTTT tại hộ, bao gồm:

- Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ;
- Những người đến thăm, đến chơi; đến nghỉ hè, nghỉ lễ; đến chữa bệnh; đến vì mục đích công tác, đào tạo ngắn hạn dưới 01 năm;
- Những người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình.

(2) Những người mới đến hộ chưa được 06 tháng nhưng xác định sẽ ăn, ở ổn định lâu dài tại hộ, bao gồm:

- Trẻ em (dưới 06 tháng tuổi) sinh trước thời điểm điều tra;

- Những người đã rời hẳn nơi ở cũ đến ở ổn định tại hộ, như: về ở nhà chồng/nhà vợ để làm dâu/làm rể, đến ở làm con nuôi; cán bộ, công nhân viên chức, bộ đội, công an nghỉ theo chế độ hưu trí, mất sức đã trở về ở hẳn với gia đình,....;

- Những người đã rời gia đình (nơi ở cũ) dưới 06 tháng tính đến thời điểm điều tra, đến hộ vì mục đích làm ăn và có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động.

- Những quân nhân, công an đào ngũ, đào nhiệm (đã có giấy báo của đơn vị hoặc có một căn cứ xác đáng khác) hiện đang cư trú tại hộ;

- Những người đang ăn ở tạm thời trong hộ nhưng họ không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác.

**Lưu ý:**

- Những người trên không bao gồm học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ, người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình.

- Những người trên bao gồm các trường hợp đã chuyển cả hộ tới hộ đang phỏng vấn.

(3) Những người lâu nay vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng tại thời điểm điều tra họ tạm vắng, bao gồm:

- Những người rời hộ đi làm ăn nơi khác chưa được 06 tháng tính đến thời điểm điều tra và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc không có ý định ở lại lâu dài tại nơi hiện đang đi làm ăn;

- Những người đang chữa bệnh nội trú trong các bệnh viện, cơ sở điều dưỡng (trừ những người đang điều trị tập trung ở các trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần, trại phong, trại cai nghiện,...);

- Những người đang đi chơi/thăm người thân, bạn bè; đi nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; đi chữa bệnh hoặc đi công tác, đào tạo ngắn hạn trong nước dưới 01 năm;

- Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ tại các hộ dân cư khác;

- Những người đi buôn chuyến, đi tàu viễn dương, đi đánh bắt hải sản;

- Những người được cơ quan có thẩm quyền cho phép đi làm việc, công tác, học tập, chữa bệnh, du lịch ở nước ngoài, tính đến thời điểm điều tra họ vẫn còn ở nước ngoài trong thời hạn được cấp phép;

- Những người đang bị ngành công an, quân đội tạm giữ, tức là những người bị cơ quan có thẩm quyền bắt giữ trong thời gian 03 ngày và được gia hạn tạm giữ tối đa không quá 02 lần, mỗi lần 03 ngày. Theo luật định, tổng số ngày tạm giữ một người không được quá 09 ngày. Quá thời hạn đó gọi là tạm giam (đã bị Viện Kiểm sát ra lệnh bắt tạm giam).

**Lưu ý:** Ở những huyện biên giới, một số dân tộc ít người có tập quán du canh, du cư hoặc người dân đi lại qua nước khác làm ăn thời vụ dưới 06 tháng rồi lại quay về Việt Nam thì quy ước là NKTTTT tại hộ và đang tạm vắng.

Tất cả các “*nhân khẩu tạm vắng*” đều được tính là NKTTTT tại hộ.

**Một số trường hợp đặc biệt trong xác định NKTTTT tại hộ:**

- Đối với những người có 02 hoặc nhiều nơi ở: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi mà họ có thời gian ăn ngủ nhiều hơn (nơi ở chính). Trường hợp thời gian ăn, ngủ ở các nơi bằng nhau thì quy ước ghi ở nơi chính theo câu trả lời của DTĐT.

- Đối với những người ăn một nơi, ngủ một nơi: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi mà họ ngủ (ngoại trừ trường hợp trẻ em và người già sống phụ thuộc vào bố mẹ/con như đã nêu tại mục VI.1. Phần II).

- Đối với những người chuyển đi cả hộ: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi họ hiện đang cư trú.

- Đối với những người đã rời hộ (nơi ở cũ) đi làm ăn từ 06 tháng trở lên và tại thời điểm điều tra họ đang ăn, ở thường xuyên tại nơi cư trú hiện tại chưa được 06 tháng: Những người này được xác định là NKTTTT tại nơi họ hiện đang cư trú.

- Đối với những người hiện tại đang sinh sống trên phạm vi ranh giới ở một xã (ví dụ xã A) nhưng về mặt chính quyền lại do một xã khác quản lý (ví dụ xã B, các khoản đóng góp, chế độ chính sách do xã B trả cho người dân ...): Những người

này sẽ được xác định là NKTTTT tại địa bàn họ đang sinh sống (xã A).

- Đối với những người gốc Việt không có bất kỳ quốc tịch nào, hiện đang cư trú và có ý định ăn, ở lâu dài tại Việt Nam: Những người này được xác định là NKTTTT tại hộ họ đang cư trú.

- Đối với trẻ em (người dưới 16 tuổi) không có quốc tịch Việt Nam nhưng có bố hoặc mẹ là người Việt Nam; đồng thời, trẻ hiện đang ở Việt Nam và xác định sống lâu dài ở Việt Nam: Những trẻ này được xác định là NKTTTT tại hộ đang cư trú.

- Đối với những người nước ngoài không có quốc tịch Việt Nam nhưng thực tế đã sinh sống ở Việt Nam trên 20 năm, họ đã hội nhập cộng đồng, có ý định sinh sống lâu dài ở Việt Nam và những người con của họ dưới 20 tuổi đã sinh ra và lớn lên tại Việt Nam tính đến thời điểm điều tra: Những người này được xác định là NKTTTT tại hộ họ đang cư trú.

### **Những người không phải là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ**

Các trường hợp sau đây không phải là NKTTTT tại hộ:

(1) Các trường hợp không sống tại hộ vào thời điểm điều tra, bao gồm:

- Trẻ em sinh sau 0 giờ ngày 01/8/2024;
- Những người chết trước ngày 01/8/2024;
- Những người đã chuyển hẳn khỏi hộ trước ngày 01/8/2024;
- Những người đi làm ăn ở nơi khác đã được 06 tháng trở lên tính đến thời điểm điều tra (không kể những người đi đánh bắt hải sản, đi tàu viễn dương, đi buôn chuyến, đi công tác ngắn hạn...);
- Những người đi làm ăn ở nơi khác chưa được 06 tháng tính đến thời điểm điều tra và có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc có ý định ở lại lâu dài tại nơi hiện đang đi làm ăn;
- Những người đã cư trú ổn định ở nước ngoài (có hoặc không có giấy xuất cảnh); những người đã ở nước ngoài quá thời hạn quy định;
- Sinh viên đi học xa nhà; học sinh phổ thông đi học tại các trường nội trú;

- Những người bị tạm giam hoặc bắt giữ bởi các cơ quan có chức năng.

(2) Các trường hợp đang sống tại hộ vào thời điểm điều tra, bao gồm:

- Những người mới chuyển đến ăn, ở ổn định tại hộ sau ngày 01/8/2024 (trừ những người không có nơi ở ổn định nào khác);

- Những người đã rời gia đình (nơi ở cũ) dưới 06 tháng tính đến thời điểm điều tra, đến hộ vì mục đích làm ăn và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động (trừ những người không có bất kỳ một nơi thực tế thường trú nào khác);

- Những người đến thăm, đến chơi; đến nghỉ hè, nghỉ lễ; đến chữa bệnh; đến vì mục đích công tác, đào tạo ngắn hạn dưới 01 năm;

- Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ;

- Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình;

- Sinh viên đi học xa nhà; học sinh phổ thông đi học tại các trường nội trú về thăm gia đình.

# PHẦN III

## QUY TRÌNH ĐIỀU TRA VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA

### I. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA

#### 1. Cập nhật Bảng kê hộ trước thời điểm điều tra

Chi cục Thống kê cấp Huyện tổ chức cập nhật Bảng kê hộ trước thời điểm điều tra (từ ngày 20/7 - 25/7/2024) nhằm bổ sung những thay đổi về số hộ và số NKTTTT tại hộ trong ĐBĐT, điều chỉnh các phân công cho ĐTV thực hiện thu thập thông tin và tránh điều tra sót các hộ và NKTTTT tại hộ.

Công tác cập nhật Bảng kê hộ đã được hướng dẫn chi tiết trong Công văn của Cục Thống kê gửi các Chi cục Thống kê cấp Huyện. Tuy nhiên, công việc này được nhắc lại trong tài liệu này nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc rà soát, cập nhật Bảng kê hộ trước thời điểm điều tra. Ngoài ra, khi thu thập thông tin tại hộ, trong một số trường hợp (ví dụ như hộ mới chuyển đến địa bàn), ĐTV phải hiểu được cách cập nhật, bổ sung thông tin trong Bảng kê hộ. Do vậy, ĐTV cần thực hiện các công việc sau:

#### 2. Điều tra thu thập thông tin tại hộ

ĐTV thực hiện điều tra thu thập thông tin tại các hộ được giao theo kế hoạch. Trong quá trình điều tra, ĐTV cập nhật những thay đổi của hộ trong ĐBĐT đảm bảo việc xác định hộ, xác định NKTTTT theo đúng thời điểm điều tra là ngày 01/8/2024 và theo đúng các quy định của điều tra các chỉ tiêu phát triển nhà ở.

Trước khi thực hiện phỏng vấn hộ để thu thập thông tin, ĐTV cần cập nhật tình trạng hiện tại của hộ trong ĐBĐT (hộ còn tại địa bàn, hộ không còn tại địa bàn, hộ chuyển đi - đến hay chết cả hộ) để cập nhật Bảng kê hộ và thực hiện thu thập thông tin. Chi tiết hướng dẫn cập nhật tình trạng của hộ được trình bày tại phần hướng dẫn sử dụng CAPI.



## II. QUY ĐỊNH CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA VÀ CÁCH GHI CÂU TRẢ LỜI

### 1. Quy định của phiếu điều tra

#### 1.1. Các loại chữ trong phiếu hỏi

Phiếu điều tra gồm 02 loại chữ: “chữ in thường” và “CHỮ IN HOA”.

- ĐTV được phép đọc to các câu viết dưới dạng “chữ in thường” để ĐTĐT nghe và trả lời câu hỏi; “chữ in thường” là những câu hỏi và trong một số trường hợp là các phương án trả lời.

- ĐTV không được phép đọc to các câu viết dưới dạng “CHỮ IN HOA” cho ĐTĐT nghe vì đây là những hướng dẫn để ĐTV thực hiện phỏng vấn hoặc các phương án trả lời không được phép đọc để ĐTĐT lựa chọn câu trả lời.

#### 1.2. Các ký hiệu trả lời câu hỏi

##### 1.2.1. Ký hiệu để chọn phương án trả lời

Ví dụ: Giới tính của một người là nữ, ĐTV ghi thông tin cho Câu 3 như sau:

3. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM.....1 <input checked="" type="checkbox"/>
	NỮ.....2 <input type="checkbox"/>

Ký hiệu để chọn phương án trả lời là ô vuông nhỏ.

##### 1.2.2. Ký hiệu để ghi thông tin

- Ghi thông tin bằng số: ĐTV nhập trực tiếp thông tin bằng số vào câu trả lời.

Ví dụ: Tháng năm sinh theo dương lịch của một người là tháng 7 năm 1963, ĐTV ghi Câu 4 như sau:

4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG..... <table border="1"><tr><td>0</td><td>7</td></tr></table>	0	7	
	0	7		
NĂM ..... <table border="1"><tr><td>1</td><td>9</td><td>6</td><td>3</td></tr></table>	1	9	6	3
1	9	6	3	

	C6 KHÔNG XD NĂM .....9998 <input type="checkbox"/>
--	----------------------------------------------------------

- Ghi thông tin bằng chữ: Ký hiệu để ghi thông tin bằng chữ là các dòng kẻ liền. Nếu ở phần trả lời có những dòng kẻ liền, ĐTV phải ghi thông tin bằng chữ lên các dòng kẻ liền đó.

Ví dụ: Một người được xác định là thực tế thường trú ở Huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, ĐTV ghi thông tin định danh như sau:

TỈNH/THÀNH PHỐ:	<u><i>Bình Định</i></u>
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH:	<u><i>Phù Cát</i></u>

### 2. Cách ghi chép thông tin

ĐTV sử dụng bàn phím/bàn phím ảo trên máy tính bảng/điện thoại thông minh để ghi các thông tin vào phiếu điều tra.

### 3. Cách sửa lỗi

- Trường hợp vừa mới ghi sai hoặc tích sai ô mã, ĐTV xóa thông tin cũ và ghi lại thông tin mới chính xác vào các ô phù hợp.

- Trường hợp phát hiện lỗi sai khi đã phỏng vấn xong hộ hoặc đã chuyển sang câu hỏi khác, ĐTV phải quay lại câu hỏi cũ để sửa thông tin (cách quay lại câu hỏi cũ được hướng dẫn cụ thể trong phần hướng dẫn sử dụng CAPI).

## PHẦN IV

# HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI, GHI THÔNG TIN TRANG BÌA VÀ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

### I. GIỚI THIỆU PHIẾU ĐIỀU TRA

Nội dung của điều tra Thu thập thông tin thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở tỉnh Bình Định năm 2024 được thiết kế trên 01 loại phiếu điều tra: Phiếu 01/NO-HO - Phiếu thu thập thông tin về thực trạng và nhu cầu nhà ở (Phiếu dành cho hộ dân cư).

**Phiếu 01/NO-HO** bao gồm các thông tin cơ bản về dân số và nhà ở. Ngoài các câu hỏi để xác nhận NKTTTT tại hộ, phiếu gồm các thông tin định danh và 56 câu hỏi được đánh số liên tục, cụ thể như sau:

- Thông tin về dân số: Các đặc điểm cá nhân (11 câu hỏi); Giáo dục và đào tạo (03 câu hỏi); Tình trạng hôn nhân (01 câu hỏi); Tình trạng việc làm (13 câu hỏi)
- Thông tin về nhà ở (28 câu hỏi).

### II. CÁCH GHI TRANG BÌA CỦA PHIẾU ĐIỀU TRA

#### 1. Thông tin định danh

Khi ĐTV đăng nhập vào chương trình, thông tin định danh của các hộ trong ĐBĐT được phân công sẽ tự động chuyển từ Bảng kê hộ vào phiếu điều tra. ĐTV không phải thực hiện sao chép lại thông tin từ Bảng kê hộ như đã hướng dẫn đối với phiếu giấy.

Tuy nhiên, trong số các thông tin được tự động chuyển từ Bảng kê hộ, thông tin về “HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ” có thể cần phải điều chỉnh do có hộ mới chuyển đến (hộ cũ đã chuyển đi) hoặc vẫn hộ cũ nhưng thông tin về chủ hộ thay đổi so với bảng kê. Trong trường hợp này, ĐTV hỏi để ghi thông tin thực tế của hộ tại thời điểm đến hộ điều tra.

Đối với các hộ mới chuyển đến ĐBĐT và chưa có tên trong Bảng kê hộ, ĐTV thực hiện thêm mới hộ theo hướng dẫn tại Tài liệu hướng dẫn sử dụng phiếu điện tử.

## **2. Thông tin kết quả điều tra**

Các thông tin kết quả điều tra sẽ tự động được tính và hiển thị sau khi ĐTV hoàn thành phỏng vấn hộ. ĐTV không phải tính và ghi chép thông tin vào mục này.

## **3. Phần ký xác nhận**

Sau khi hoàn thành cuộc phỏng vấn, chương trình sẽ tự động hiển thị danh sách các thành viên hộ, ĐTV chỉ cần tích chọn vào tên người đã cung cấp thông tin để hoàn thiện phiếu điều tra.

## **III. CÁCH HỎI VÀ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ**

ĐTV đọc kỹ hướng dẫn về cách xác định NKTTTTT tại Mục VI, Phần II để nắm rõ khái niệm và quy định về NKTTTTT. ĐTV hỏi các câu từ Q1 đến Q8 để xác định NKTTTTT tại hộ.

**Câu Q1:** ĐTV hỏi và ghi đầy đủ họ và tên từng người thường xuyên ăn, ở tại hộ được 06 tháng trở lên tính đến 0 giờ ngày 01/8/2024, không phân biệt người đó có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ.

**Lưu ý:** Những người này không bao gồm sinh viên là người của hộ đang đi học xa nhà (không còn ăn, ở thường xuyên tại hộ) hoặc những người của hộ đã đi làm ăn xa từ 06 tháng trở lên, chỉ về thăm nhà vào các dịp cuối tuần, lễ, Tết.

Trường hợp trong hộ có 02 người giống nhau cả họ và tên đệm, ĐTV phải ghi thêm ký tự để đánh dấu sự khác nhau (sử dụng chữ cái A, B,...).

**Câu Q2:** ĐTV hỏi để xác định trong hộ có ai mới chuyển đến chưa được 06 tháng tính đến 0 giờ ngày 01/8/2024 nhưng xác định ăn, ở lâu dài tại hộ hoặc không có nơi ở ổn định nào khác (bao gồm cả trẻ mới sinh trước ngày

01/8/2024. Nếu có, ĐTV đánh dấu vào ô trả lời tương ứng và ghi bổ sung họ và tên từng người vào Câu Q1, sau đó hỏi tiếp Câu Q3.

Mục đích câu này là để xác định một số trường hợp đặc biệt, mặc dù ăn, ở tại hộ chưa được 06 tháng tính đến thời điểm điều tra nhưng có thể vẫn được xác định là NKTTTT tại hộ. Lưu ý, những người này bao gồm những người đã chuyển cả hộ tới hộ đang phỏng vấn.

Trường hợp trẻ em mới sinh chưa kịp đặt tên, ĐTV ghi “Trẻ mới sinh” và kèm theo họ của trẻ trong dấu “( )”. Ví dụ: Trẻ mới sinh (Nguyễn).

**Câu Q3:** ĐTV hỏi để xác định những người mặc dù đang ăn, ở tại hộ nhưng thực tế sẽ không được tính là NKTTTT tại hộ.

Câu Q3 được tách thành Q3a và Q3b. Trong đó, Câu Q3a liệt kê tất cả các trường hợp để ĐTV hỏi lần lượt và tích vào câu trả lời tương ứng (“Có” hoặc “Không”). Câu Q3b chỉ xuất hiện nếu hộ có ít nhất 01 trong các trường hợp được liệt kê ở Câu Q3a (tức câu trả lời là “Có”); khi đó, danh sách thành viên hộ ở Câu Q1 sẽ tự động hiện ra để ĐTV chọn thành viên tương ứng.

**Câu Q4a:** ĐTV hỏi để xác định những người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng tại thời điểm điều tra họ tạm vắng. Những người này theo quy định vẫn được xác định là NKTTTT tại hộ.

ĐTV đọc to từng trường hợp. Nếu hộ trả lời “Có”, ĐTV đánh dấu vào ô trả lời tương ứng. Nếu hộ có ít nhất 01 trong các trường hợp được liệt kê ở Câu Q4a (tức câu trả lời là “Có”), ĐTV hỏi tiếp Câu Q4b. Nếu không có ai thuộc các đối tượng được liệt kê, ĐTV chuyển sang hỏi tiếp Câu Q5a.

**Câu Q4b:** ĐTV ghi rõ họ và tên những người tạm vắng tương ứng với (các) trường hợp đã được trả lời “Có” trong Câu Q4a (nếu có).

**Câu Q5a:** ĐTV hỏi để xác định có ai vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau 0 giờ ngày 01/8/2024 và chưa được ghi tên hay không.

**Câu Q5b:** ĐTV ghi rõ họ và tên những người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau 0 giờ ngày 01/8/2024 và chưa được ghi tên (nếu có).

**Câu Q6:** Phiếu sẽ tự động liệt kê danh sách những người là NKTTTT tại hộ.

**Câu Q7:** ĐTV hỏi để xác định trong số những người là NKTTTT tại hộ, ai là chủ hộ.

Chủ hộ là người am hiểu thông tin của các thành viên khác và được các thành viên khác trong hộ thừa nhận. Chủ hộ có thể trùng hoặc không trùng với chủ hộ được ghi trong sổ hộ khẩu do ngành công an cấp.

**Câu Q8:** ĐTV hỏi để xác định trong số những người là NKTTTT tại hộ, có bao nhiêu người có hộ khẩu thường trú tại xã/phường/thị trấn này.

Theo Điều 18, Luật Cư trú số 03/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013, đăng ký thường trú là việc công dân đăng ký nơi thường trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký thường trú, cấp sổ hộ khẩu cho họ.

## PHẦN V

### HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI THÔNG TIN NỘI DUNG PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở (PHIẾU DÀNH CHO HỘ DÂN CU) (PHIẾU 01/NO-HO)

#### MỤC 1: THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ

**Câu 1: Họ và tên những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ, bắt đầu từ chủ hộ?**

Thông tin về NKTTTT tại hộ đã được ĐTV hỏi và xác định trong phần đầu của Phiếu điều tra CAPI. Ở câu này chương trình sẽ tự động hiện lên danh sách họ và tên của từng người đã được xác định là NKTTTT tại hộ ở trên.

#### **Câu 2: [TÊN] có mối quan hệ thế nào với chủ hộ?**

Chủ hộ là người am hiểu thông tin của các thành viên khác và được các thành viên khác trong hộ thừa nhận. Chủ hộ có thể trùng hoặc không trùng với chủ hộ được ghi trong sổ hộ khẩu do ngành công an cấp.

Các mối quan hệ với chủ hộ gồm:

- Vợ/chồng: Là người đã được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là đang có vợ (hoặc có chồng), hoặc đang chung sống với người khác giới như vợ chồng. Nếu một người có từ 02 vợ (chồng) trở lên cùng sống chung trong 01 hộ, những người này đều được xác định là vợ (chồng) của chủ hộ.

**Lưu ý:** Nếu chủ hộ có từ 02 vợ/chồng trở lên cùng sống chung trong 01 hộ, những người này đều được xác định là vợ/chồng của chủ hộ.

- Con đẻ: Là người do chính chủ hộ sinh ra.

- Cháu nội/ngoại: Là người cháu cùng huyết thống với chủ hộ, do người con đẻ (con trai hay con gái) của chủ hộ sinh ra.

- Bố/mẹ: Là người sinh ra chủ hộ, hoặc bố/mẹ vợ, bố/mẹ chồng của chủ hộ, bố/mẹ nuôi của chủ hộ hoặc vợ/chồng chủ hộ.

- Quan hệ gia đình khác: Là người có quan hệ gia đình, ruột thịt nhưng không phải là vợ/chồng, con đẻ hay bố/mẹ của chủ hộ. Ví dụ: Con nuôi, con riêng của vợ/chồng, ông/bà, anh/chị em ruột, cô/dì/chú/bác, con dâu, con rể,...

- Không quan hệ gia đình: Là người không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng hay gia đình/họ hàng với chủ hộ. Ví dụ: bạn, người làm thuê, ở trọ, giúp việc gia đình,...

### **Câu 3: [TÊN] là nam hay nữ?**

Đối với những người được phỏng vấn trực tiếp hoặc có mặt ở nhà khi ĐTV tới hộ phỏng vấn, ĐTV có thể dễ dàng xác định người đó là nam hay nữ để đánh dấu vào ô mã thích hợp. Tuy nhiên, đối với các cháu nhỏ và những người đi vắng, ĐTV không được dựa vào “tên đệm” để suy đoán người đó là nam hay nữ, mà phải hỏi chủ hộ.

Đối với những người có hai giới tính, ĐTV căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT để ghi nhận thông tin.

### **Câu 4: [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?**

Tháng và năm sinh được ghi theo dương lịch và là tháng, năm sinh thực tế. ĐTV không dựa vào bất kỳ một loại giấy tờ nào (giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu,...) để ghi chép về tháng và năm sinh trừ trường hợp ĐTĐT khẳng định tháng và năm sinh của họ hoặc các thành viên hộ giống như giấy tờ mà hộ cung cấp. ĐTV cố gắng khai thác tháng và năm sinh để có đầy đủ thông tin cho các nội dung khác của phiếu hỏi, đặc biệt đối với trẻ em dưới 05 tuổi.

Một số lưu ý khi xác định tháng và năm sinh dương lịch:

- Trường hợp ĐTĐT chỉ nhớ năm sinh theo âm lịch (như năm Bính Tý, Ất Sửu,...), ĐTV phải căn cứ vào “Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch” tại Phụ lục 1 để chuyển từ năm âm lịch sang năm dương lịch.

Khi dùng “Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch” để xác định năm sinh theo dương lịch, có thể có sự chênh lệch tới 12 năm (nếu ĐTĐT chỉ nhớ tuổi con gì), vì thế ĐTV cần phải hỏi thêm “Năm nay [TÊN] khoảng bao



nhieu tuổi?”, kết hợp với quan sát diện mạo của ĐTĐT để có thể xác định chính xác năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT, tránh nhầm lẫn.

- Tháng dương lịch thường đến trước tháng âm lịch hơn 01 tháng, do đó khi chuyển tháng sinh từ âm lịch sang dương lịch, ĐTV cần lấy tháng sinh theo âm lịch cộng thêm 01. Như vậy, những người sinh từ tháng giêng đến tháng 11 của năm âm lịch sẽ là các tháng từ tháng 02 đến tháng 12 cùng năm. Nếu sinh vào tháng chạp (tháng 12 âm lịch) thì sẽ là tháng 01 dương lịch của năm sau.

- Trường hợp người trả lời không nhớ tháng sinh, ĐTV cần dùng những câu hỏi thăm dò: Sinh vào mùa nào trong năm? Sinh trước hay sau Tết âm lịch, rằm tháng bảy, rằm tháng tám? Sinh trước hay sau ngày giải phóng miền Nam (30/4), ngày Quốc khánh (02/9), ngày sinh của Bác Hồ (19/5)?... để người trả lời hồi tưởng và nhớ được tháng sinh của mình.

Vì thời điểm điều tra là ngày 01/8/2024, những người sinh từ tháng 1 đến tháng 6 trong cùng năm sẽ có cùng cách tính tuổi tròn; những người sinh từ tháng 7 đến tháng 12 trong cùng năm sẽ có cùng cách tính tuổi tròn. Chính vì vậy, trong trường hợp dùng các câu hỏi thăm dò mà ĐTĐT vẫn không nhớ được tháng sinh của mình, ĐTV cố gắng tìm hiểu xem ĐTĐT sinh vào 3 tháng đầu năm hay 9 tháng cuối năm theo dương lịch để chọn ngẫu nhiên 01 tháng nào đó trong 3 tháng đầu năm hoặc 9 tháng cuối năm để ghi vào ô tương ứng.

Sau khi đã đặt thêm những câu hỏi thăm dò mà ĐTĐT vẫn không thể nhớ được tháng sinh, ĐTV chọn mã “98” (*phiếu điện tử* chọn mã “KXĐ”). Sau đó tiếp tục hỏi năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT.

Trường hợp ĐTĐT không nhớ năm sinh, ĐTV chọn mã “Không xác định năm” (*phiếu điện tử* chọn mã “KXĐ” hoặc nhập mã “9998”).

#### **Câu 5: Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?**

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người không nhớ được năm sinh (Câu 4 có năm sinh chọn “Không xác định năm”).

Câu này nhằm thu thập thông tin về số tuổi tròn theo dương lịch của ĐTĐT. Vì vậy, khi ĐTĐT trả lời về số tuổi của họ, ĐTV phải hỏi thêm "*Đó là tuổi theo âm lịch hay dương lịch?*". Nếu ĐTĐT trả lời là tuổi theo âm lịch thì trước khi ghi số tuổi, ĐTV phải trừ đi 1 để có số tuổi theo dương lịch (vì tuổi tính theo âm lịch thường nhiều hơn tuổi tính theo dương lịch 1 tuổi).

Khi ĐTĐT không thể nhớ tuổi của mình thì ĐTV có thể tham khảo các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu liên quan hoặc trao đổi thêm với các thành viên khác trong hộ để ghi tuổi, hoặc phải thăm dò để ước lượng tuổi. Có thể thăm dò bằng cách: *So sánh tuổi của ĐTĐT với tuổi của một ai đó trong hộ hoặc tuổi của những người xung quanh mà họ đã biết chính xác tuổi của người này.*

Nếu các biện pháp thăm dò tuổi không có kết quả thì ĐTV phải ước lượng tuổi cho ĐTĐT thông qua việc quan sát ĐTĐT, tức là quan sát bề ngoài kết hợp với tuổi của các con của ĐTĐT, tuổi của vợ/chồng, ... để ước lượng tuổi gần đúng của ĐTĐT. Lưu ý rằng đây là biện pháp bắt buộc dĩ, chỉ thực hiện khi mọi cố gắng thăm dò tuổi không có kết quả. *Không được ghi mã không xác định cho câu hỏi về "tuổi theo dương lịch" của ĐTĐT.*

Đối với trẻ em, nhất là trẻ dưới 5 tuổi, ĐTV cố gắng khai thác được tháng và năm sinh theo dương lịch.

#### **Câu 6: [TÊN] thuộc dân tộc nào?**

Nếu ĐTĐT là dân tộc Kinh, ĐTV chọn mã số "1".

Nếu ĐTĐT trả lời là dân tộc khác, ĐTV hỏi và ghi tên dân tộc thường gọi ở địa phương (nhánh dân tộc) và tên gọi của nhóm dân tộc chính vào ô trả lời, đồng thời căn cứ vào “Danh mục các dân tộc Việt Nam” tại Phụ lục 2 để ghi mã số thích hợp. Cách ghi như ví dụ sau: nếu ĐTĐT khai là dân tộc “Triều Châu”, ĐTV ghi “Triều Châu (Hoa)” sau đó ghi mã dân tộc là “04”.

Một số trường hợp về xác định dân tộc:

- Đối với những người là con đẻ hay con nuôi của hai vợ chồng không cùng dân tộc, dân tộc của người con được xác định theo thoả thuận của bố mẹ.

Trường hợp hai bố mẹ không thoả thuận được thì lấy theo dân tộc của người cha (theo quy định của Luật Dân sự).

- Với những dân tộc theo chế độ mẫu hệ, ghi tên dân tộc của người con theo dân tộc của người mẹ.

- Đối với con ngoài giá thú, dân tộc của người con được ghi theo dân tộc của người mẹ. Trường hợp người cha ngoài giá thú thừa nhận đứa trẻ là con của mình và đồng ý khai tên của mình vào giấy khai sinh của người con đó, đồng thời được người mẹ chấp nhận, ĐTV ghi dân tộc của người con theo dân tộc của người cha.

- Đối với người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam, ĐTV ghi tên dân tộc cho người đó theo quốc tịch gốc của họ dưới hình thức phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Niu Gi-lân, Mỹ hay Hoa Kỳ.

Ví dụ: Một người có quốc tịch gốc là người Mỹ, ĐTV ghi “Mỹ” vào ô trống sau đó ghi mã “55” (người nước ngoài).

## **MỤC 2: ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA**

**Câu 7: [TÊN] đã thường trú ở phường, thị trấn hoặc xã này được bao lâu?**

Thường trú được hiểu là nơi mà ĐTĐT ăn, ở thường xuyên (theo khái niệm về NKTTTT đã được quy định).

Câu hỏi nhằm xác định khoảng thời gian ĐTĐT đã thường trú ở phường, thị trấn hay xã mà ĐTĐT ở hiện tại được bao lâu. ĐTV hỏi và xác định thời gian mà ĐTĐT đã thường trú và chọn vào ô mã thích hợp.

Trường hợp trẻ em mới sinh mà không có sự di chuyển thì chọn mã 6 (KHÔNG DI CHUYỂN).

**Câu 8: Cách đây 1 năm (vào ngày 01/8/2023), [TÊN] thực tế thường trú ở tỉnh/thành phố nào hay ở nước ngoài?**

Câu này dùng để hỏi cho những người đã thường trú tại phường, thị trấn hay xã này trong khoảng thời gian dưới 1 năm (Câu 7 được chọn ô vuông bên cạnh mã số "1", "2" hoặc "3").

Cách ghi cụ thể như sau: Nơi TTTT của ĐTĐT cách thời điểm điều tra 1 năm (vào ngày 01/7/2023) chỉ có thể rơi vào một trong các trường hợp sau:

Ở trong nước (VIỆT NAM): có 3 trường hợp (i) cùng xã/phường, (ii) xã/phường khác cùng quận/huyện, (iii) quận/huyện khác.

Ở nước ngoài: Nếu nơi TTTT của ĐTĐT cách thời điểm điều tra 1 năm (vào ngày 01/8/2023) là ở nước ngoài. ĐTV chọn ô vuông bên cạnh mã 1

Nếu một người được xác định là chuyển từ quận/huyện khác đến nhưng tên gọi của quận/huyện đó hiện đã thay đổi so với thời điểm 01/8/2023 (do thay đổi địa giới hành chính hoặc đổi tên đơn vị hành chính,...), ĐTV ghi tên theo tên đơn vị hành chính mới. Trường hợp ĐTĐT không biết tên mới của đơn vị hành chính đó là gì, ĐTV nên hỏi những người khác trong hộ hoặc tìm nguồn thông tin khác để xác định và ghi thông tin.

**Câu 9: [TÊN] chuyển đến từ tỉnh/thành phố, huyện/thị xã/thành phố nào?**

Hỏi cho những người có mã 4 ở **câu 8**, với những người cách đây một năm họ cư trú ở quận/huyện khác, tỉnh/thành phố khác.

**Câu 10: Cách đây 1 năm nơi TTTT nói trên của [TÊN] là phường, thị trấn hay xã?**

Câu này nhằm thu thập thông tin về luồng di chuyển nông thôn - thành thị.

Ở nước ta, việc phân định thành thị, nông thôn được dựa vào đơn vị hành chính cơ sở với "phường" và "thị trấn" thuộc thành thị, còn "xã" thuộc nông thôn. Vì vậy, nếu nơi TTTT vào thời điểm 01/8/2023 thuộc "phường" hoặc "thị trấn" thì chọn ô vuông bên cạnh mã số "1", trường hợp nơi TTTT trước đây của ĐTĐT thuộc là "xã" thì ĐTV chọn ô vuông bên cạnh mã số "2".

**Lưu ý:**

- "Phường", "thị trấn" hay "xã" phải được xác định tại thời điểm 01/8/2024. Những nơi tại thời điểm 01/8/2024 là xã, nay đã được công nhận là phường hoặc thị trấn thì vẫn gạch chéo vào ô vuông bên cạnh mã số "2" (XÃ).

**Câu 11: Lý do chính mà [TÊN] chuyển đến nơi ở hiện tại là gì?**

ĐTV hỏi và xác định lý do chính mà ĐTĐT chuyển đến hộ. Nếu ĐTĐT đưa ra từ 02 lý do trở lên, ĐTV cố gắng hỏi và xác định 01 lý do tác động nhiều nhất đến việc ĐTĐT chuyển đến hộ (lý do chính).

**Lưu ý:**

- Đối với những người công tác xa gia đình, khi về hưu chuyển về hộ để sống cùng gia đình, ĐTV chọn câu trả lời là mã 3 “Theo gia đình/Chuyển nhà”.

- Trường hợp 01 người phải chuyển nơi ở vì lý do bắt đầu công việc mới và cả gia đình đi theo, ĐTV ghi nhận lý do chuyển đến nơi ở hiện tại của người đó là mã 1 “Tìm việc/bắt đầu công việc mới”, các thành viên khác trong hộ ghi mã 3 “Theo gia đình/Chuyển nhà”.

**Câu 12: Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?**

Tình trạng đi học được xác định căn cứ vào việc ĐTĐT đang/đã từng theo học một chương trình bất kỳ trong Hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm các cấp học và trình độ đào tạo quy đổi: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, sơ cấp, trung cấp (trung cấp nghề/chuyên nghiệp), cao đẳng (cao đẳng nghề/chuyên nghiệp), đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

Nếu chương trình mà ĐTĐT đang theo học không thuộc một trong các cấp học và trình độ đào tạo nói trên thì không được coi là “đang đi học”.

ĐTĐT được xác định là “đã thôi học” nếu người đó đã từng tham gia một lớp học thuộc một trong các Hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam từ trước tới nay bao gồm: Hệ thống giáo dục quốc dân thời Pháp thuộc, Hệ thống giáo

dục từ 1945 đến 1954, Hệ thống bổ túc văn hóa, Hệ thống giáo dục miền Bắc, Hệ thống giáo dục hiện nay.

***Một số lưu ý:***

- Một người không tính là đi học nếu tham gia các khoá học không theo chương trình giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Nhà nước như: Học ôn thi đại học, ôn thi tiếng Anh; Học nghề theo dạng thầy truyền nghề; Các lớp do các doanh nghiệp tự mở theo dạng kèm cặp; Học chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ do cơ quan/ngành tổ chức; Những người đang học chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị.

- Một người được tính là đi học nếu tham gia các chương trình giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Nhà nước và được các cấp xác nhận, chứng chỉ, văn bằng,... *Ví dụ:* Người học các lớp đào tạo sơ cấp nghề lái xe để được cấp các loại bằng B1, B2, C, D, E, F thì được xác định là đi học.

- Một người đã hoàn thành một cấp học hoặc chương trình giáo dục, đào tạo và dạy nghề của Nhà nước (hoặc tương đương, ví dụ các chương trình tại nước ngoài) nhưng chưa có quyết định về việc được cấp văn bằng, chứng chỉ hoàn thành cấp học đó thì họ vẫn được tính “đang đi học” tại cấp học/chương trình học đã hoàn thành nhưng chưa được cấp bằng đó. *Ví dụ:* Đến thời điểm điều tra, ĐTĐT đã thi xong tốt nghiệp Trung học phổ thông và đã biết điểm là đạt, tuy nhiên chưa có giấy xác nhận về việc hoàn thành chương trình Trung học phổ thông thì người này vẫn được tính là đang học Trung học phổ thông.

**Câu 13: Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất [TÊN] đã tốt nghiệp/đạt được là gì?**

Câu hỏi này nhằm xác định trình độ giáo dục phổ thông cao nhất mà ĐTĐT đạt được.

ĐTV căn cứ vào giấy tờ có liên quan (bằng cấp cao nhất) hoặc loại chương trình đã hoàn thành để xác định thông tin cho câu hỏi này.

Nếu ĐTĐT đã hoàn thành một bậc học nhưng không đỗ tốt nghiệp hoặc

đã đỗ tốt nghiệp nhưng chưa có quyết định về việc được cấp văn bằng/hoàn thành cấp học đó thì không được tính họ có trình độ của bậc học đó mà phải xếp họ vào bậc dưới.

*Ví dụ:* Một người đã thi tốt nghiệp phổ thông trung học và biết rằng mình đủ điểm để đỗ tốt nghiệp nhưng chưa được thông báo hoặc nhận quyết định công nhận đỗ tốt nghiệp thì trình độ giáo dục phổ thông cao nhất họ đạt được là “Trung học cơ sở”. Câu này hỏi cho những người đã thôi học hoặc đang đi học trình độ từ tiểu học trở lên. ĐTV căn cứ vào giấy tờ có liên quan (bằng cấp cao nhất) hoặc loại chương trình đã hoàn thành để xác định thông tin cho câu hỏi này.

Một số lưu ý về xác định trình độ giáo dục cao nhất như sau:

(1) Dưới tiểu học bao gồm những người: (i) Đã học xong chương trình mầm non nhưng chưa đi học tiểu học; (ii) Đang học chương trình tiểu học; (iii) Mặc dù đã từng đi học nhưng không đạt được (chưa tốt nghiệp) bất kỳ một trình độ nào.

*Ví dụ:* Một người đang học lớp 5 thì bỏ học, trình độ cao nhất của người đó được xác định là “Dưới tiểu học”.

**Câu 14: [TÊN] đạt được các loại trình độ nào sau đây?**

Câu hỏi này để xác định các loại trình độ đào tạo mà ĐTĐT đạt được.

ĐTV đọc lần lượt từng trình độ. Ở mỗi loại trình độ, ĐTV hỏi ĐTĐT xem họ có bằng cấp của trình độ đó không.

*Lưu ý:*

- *Một người có thể đạt được một hoặc nhiều trình độ hoặc không đạt được trình độ nào.*

- *Một người chỉ được xác định là có trình độ nào đó khi họ có bằng/chứng chỉ hoặc có quyết định công nhận đã đạt được trình độ đó. VD: Một người đã bảo vệ xong luận án tiến sĩ nhưng đang trong thời gian chờ xét duyệt để được lấy bằng, chưa có quyết định về việc được cấp bằng tiến sĩ, thì không xác định*

*họ có bằng tiến sĩ.*

*- Những người có bằng trung cấp nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp được xác định là có trình độ “Trung cấp”.*

*- Những người có bằng cao đẳng nghề hoặc cao đẳng chuyên nghiệp được xác định là có trình độ “Cao đẳng”.*

*- Những người có bằng lái xe ô tô được xác định là có trình độ “Sơ cấp”.*

*- Những người tốt nghiệp Học viện Phật giáo được ghi nhận tương đương trình độ “đại học”.*

**Không được** quy đổi tương đương đối với các trường hợp sau:

- Cán bộ đi học bồi dưỡng lý luận chính trị như: sơ cấp chính trị, trung cấp chính trị, cao cấp chính trị (vì các trình độ này không nằm trong Hệ thống giáo dục quốc dân).

- Bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II, bác sĩ nội trú không được quy đổi tương đương trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

- Người có bằng lái xe máy không được xác định là có trình độ “Sơ cấp”.

**Lưu ý:** Đối với những người dưới 18 tuổi, chương trình CAPI sẽ tự động bỏ qua, không hỏi về trình độ từ cao đẳng trở lên.

**Câu 15: Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?**

Câu hỏi này nhằm thu thập thông tin về tình trạng hôn nhân hiện tại (tức là tại thời điểm điều tra vào ngày 01/8/2024) của ĐTĐT. Tình trạng hôn nhân của một người chỉ có thể thuộc một trong năm loại sau đây:

- Chưa vợ/chồng: Là tình trạng của một người chưa từng lấy vợ/chồng hoặc chưa từng chung sống với một người khác giới như vợ chồng.

- Có vợ/chồng: Là tình trạng của một người hiện đang được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là có vợ/chồng hoặc đang chung sống với người khác giới như vợ chồng.

- Góa vợ/chồng: Là tình trạng của một người có vợ/chồng đã chết và hiện tại chưa tái kết hôn.



- Ly hôn: Là tình trạng của một người đã từng có vợ/chồng, nhưng hiện tại đã ly hôn (đã được tòa án phán quyết) và hiện tại chưa tái kết hôn.

- Ly thân: Là tình trạng của một người trên pháp lý hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận họ vẫn đang có vợ/chồng tuy nhiên hiện tại họ không sống với vợ/chồng như vợ chồng.

**Lưu ý:** Cần phân biệt giữa những người sống ly thân và những người sống xa vợ/chồng vì lý do như đi công tác, làm ăn xa nhà (thậm chí đang làm việc ở nước ngoài) trong một thời gian dài. Những người này vẫn thuộc tình trạng “Có vợ/chồng”.

### **MỤC 3: TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM**

Mục đích của các câu hỏi này là để phân loại những người từ 15 tuổi trở lên có việc làm và người không có việc làm trong tuần nghiên cứu. Vì vậy, để thu thập được chính xác các thông tin, ĐTV cần phỏng vấn trực tiếp những người từ 15 tuổi trở lên.

**Câu 16: Hiện tại, [TÊN] có làm công việc gì để tạo thu nhập cho bản thân hoặc gia đình không?**

“Hiện tại” được xác định là khoảng thời gian hỏi về 07 ngày trước ngày ĐTV đến hộ phỏng vấn. Ví dụ: ĐTV đến hộ ngày 10/8/2024 thì 07 ngày qua sẽ là các ngày từ ngày 03/8 đến 09/8/2024. Nếu ĐTĐT chết sau thời điểm điều tra (sau ngày 01/8/2024), ĐTV hỏi thông tin về việc làm của ĐTĐT trong 07 ngày trước khi chết.

Việc làm là hoạt động từ 01 giờ trở lên tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật ngăn cấm. Do vậy, nếu ĐTĐT có làm công việc bị pháp luật ngăn cấm trong 07 ngày trước khi ĐTV đến hộ, ĐTV xác định ĐTĐT không làm việc (Câu 23=2).

(1) Một số công việc được xác định là có làm việc để tạo thu nhập cho bản thân hoặc gia đình bao gồm:

- Công việc mà ĐTĐT thực hiện để nhận được tiền lương/tiền công theo thỏa thuận. Nếu ĐTĐT làm việc nhưng chưa được trả lương/trả công do chủ lao động nợ lương hoặc chưa đến kỳ nhận tiền lương/tiền công, vẫn được coi là có làm việc tạo thu nhập.

- Công việc mà ĐTĐT là người trực tiếp tham gia điều hành và thực hiện các hoạt động sản xuất của bản thân, của hộ hoặc của cơ sở do mình làm chủ (một mình hoặc cùng người khác làm chủ), để tạo ra thu nhập cho bản thân và gia đình. Thu nhập đó có thể là những sản phẩm nông nghiệp như: lúa, rau, hoa màu để bán/trao đổi hoặc nuôi sống bản thân, gia đình; các sản phẩm phi nông nghiệp như giường, tủ, bàn, ghế,... hoặc các dịch vụ để bán, trao đổi trên thị trường.

Ví dụ: Làm ruộng để thu hoạch lúa cho gia đình sử dụng hoặc bán; buôn bán tự do; đóng bàn, ghế; buôn bán trong cửa hàng do mình làm chủ; xã viên trong hợp tác xã nông nghiệp,...

- Công việc mà ĐTĐT làm với tư cách là lao động gia đình không hưởng lương/hưởng công: Là những người phụ giúp hoặc cùng tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ/gia đình, để tạo ra thu nhập cho hộ/gia đình nhưng người đó không làm chủ (do một người khác chỉ đạo, điều hành) và cũng không được nhận tiền lương/tiền công từ công việc đó.

Ví dụ: Học sinh, sinh viên tham gia canh tác cùng bố mẹ trên mảnh ruộng của gia đình; cha mẹ phụ giúp con cái bán hàng,...

(2) Một số trường hợp không được tính là có làm việc để tạo ra thu nhập cho bản thân hoặc gia đình bao gồm:

- Người tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo; lao động tình nguyện không được trả lương/trả công (Ví dụ: thanh niên tình nguyện,...): là những người trong 07 ngày qua có làm việc để tạo ra sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ cho người khác nhưng những công việc đó không được trả lương/trả công hoặc không tạo thu nhập cho bản thân hoặc gia đình của người tình

nguyện. Người tình nguyện có thể nhận được một vài trợ cấp nhỏ, có thể là tiền mặt để chi trả cho những hoạt động để thực hiện công việc tình nguyện đó hoặc trợ cấp dưới dạng các bữa ăn, hỗ trợ đi lại/liên lạc hay những món quà nhỏ mang ý nghĩa tinh thần.

- Những người học việc, tập sự (kể cả học sinh, sinh viên thực tập) không nhận được tiền lương/tiền công.

- Lao động mùa vụ không làm việc trong thời gian hết thời vụ.

- Những người được hưởng thu nhập từ lương hưu, trợ cấp hoặc từ các khoản chuyển nhượng, chuyển giao tài sản bằng tiền mặt hoặc hình thức khác (như lãi suất ngân hàng, lợi tức cổ phiếu, quà tặng,...).

- Người làm nội trợ hoặc làm các công việc trong nhà cho gia đình mình.

**Câu 17: Tuy không làm việc nhưng [TÊN] có được trả lương/trả công hoặc hưởng lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh không?**

Câu hỏi này để xác định xem trong thời gian không làm việc, ĐTĐT có tiếp tục được nhận tiền lương/tiền công hoặc hưởng lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình không. Nếu trong thời gian không làm việc, ĐTĐT vẫn được nhận tiền lương/tiền công/hưởng lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh thì chứng tỏ mức độ gắn bó với công việc của ĐTĐT khá chặt chẽ và ĐTĐT sẽ được xác định là có việc làm. Trường hợp ĐTĐT không được nhận tiền lương/tiền công/hưởng lợi trong thời gian tạm nghỉ, ĐTV phải hỏi các câu hỏi tiếp theo để xác định tình trạng hoạt động kinh tế của ĐTĐT. ĐTV căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT để lựa chọn mã thích hợp.

*Một số trường hợp lưu ý:*

- Thu nhập được nhận từ tiền lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, tiền lãi gửi ngân hàng không tính là tiền lương/tiền công từ công việc.

- Những người được hưởng lợi tức từ cổ phiếu, trái phiếu, nếu không tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để tạo ra lợi

nhuận mà chỉ đơn thuần trả tiền mua cổ phiếu để hưởng lợi tức thì không được tính là được hưởng lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đối với những trường hợp nghỉ việc, nếu trong thời gian nghỉ họ vẫn nhận được một khoản tiền hàng tháng từ Bảo hiểm xã hội chi trả và không nhận được khoản tiền nào khác từ nơi làm việc, ĐTV chọn mã “2”.

**Câu 18: Có phải [TÊN] đã có một công việc và sẽ trở lại làm công việc đó trong 30 ngày tới không?**

Câu hỏi này nhằm xác định thêm thông tin về những trường hợp mặc dù hiện tại không làm việc để tạo ra thu nhập, không được trả tiền lương/tiền công nhưng có mức độ gắn bó với một công việc nào đó để xác định tình trạng việc làm của ĐTĐT.

*Ví dụ:* Một người là thợ mộc, trong 07 ngày qua người đó đưa con ra Hà Nội ôn thi đại học nên không làm mộc, cũng không làm gì để tạo ra thu nhập. Người đó dự định 01 tuần nữa (tính từ khi ĐTV tiến hành cuộc phỏng vấn) sẽ quay lại làm nghề mộc. Như vậy, ĐTV xác định câu trả lời là mã “1”.

Đối với trường hợp phụ nữ nghỉ thai sản, ĐTV hỏi để xác định xem kết thúc kỳ nghỉ thai sản theo quy định của nhà nước (06 tháng), họ có chắc chắn quay trở lại làm công việc trước khi nghỉ trong vòng 30 ngày tới không.

**Câu 19: [TÊN] hãy mô tả công việc chính và chức danh (nếu có)?**

ĐTV hỏi về công việc chính mà ĐTĐT đang làm hiện nay; ưu tiên hỏi về các công việc thường xuyên, đều đặn mà ĐTĐT thực hiện mặc dù có thể trong 07 ngày qua họ không thực hiện công việc thường xuyên này (nếu 07 ngày qua không thực hiện công việc thường xuyên này thì cách hỏi giống như đối với những người tạm nghỉ); nếu không có công việc chính thường xuyên thì hỏi về công việc tạm thời họ đã làm trong 07 ngày qua.

Công việc chính: Đề cập đến công việc thường xuyên, đều đặn, mang tính chất ổn định hoặc tương đối ổn định, công việc chiếm nhiều thời gian nhất mà ĐTĐT thực hiện.

Đối với những người không có công việc thường xuyên mà chỉ có các công việc tạm thời (nhất thời, không đều đặn, không ổn định) thì công việc chính của họ trong 07 ngày qua là công việc tạm thời (nhất thời) chiếm nhiều thời gian nhất hoặc tạo ra thu nhập lớn nhất trong 07 ngày tham chiếu.

Sau khi đã xác định được công việc chính, ĐTV hỏi để ghi mô tả chi tiết về công việc này (mô tả càng chi tiết càng tốt); ghi chức danh công việc mà ĐTĐT được giao (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ. Việc mô tả cụ thể, chi tiết về công việc và chức danh sẽ giúp công tác ghi mã nghề được thuận lợi và chính xác.

Một số lưu ý khi xác định công việc chính:

- Đối với những người vừa làm chuyên môn, vừa tham gia công tác của tổ chức Đảng, đoàn thể (bán chuyên trách - không hưởng lương, kiêm nhiệm), xác định công việc chính của họ là công tác chuyên môn.

*Ví dụ:* Một người vừa trồng lúa, vừa là Bí thư chi bộ thôn (kiêm nhiệm - không hưởng lương hoặc chỉ hưởng phụ cấp), ĐTV ghi công việc chính của người này là “Trồng lúa”.

- Trường hợp ĐTĐT không làm một công việc nào khác, chỉ làm tổ trưởng tổ dân phố và được nhận phụ cấp, ĐTV ghi công việc chính là “Tổ trưởng tổ dân phố” và Câu 30 chọn mã “Làm công hưởng lương”.

Các ví dụ về cách ghi mô tả công việc chính và chức danh như sau:

Công việc của ĐTĐT	Cách ghi phiếu	
	Mô tả công việc chính	Chức danh (nếu có)
Bán hàng ăn	Bán hàng ăn trên vỉa hè	
Bán hàng ăn	Bán hàng ăn trong chợ	
Nhân viên chạy bàn	Phục vụ trong quán ăn	Nhân viên chạy bàn
Bán vé số	Bán rong vé số	
Thợ kim hoàn lâu năm và được phong làm nghệ nhân	Tạo hình, chạm khắc hoa văn để chế tác nhẫn, bông tai, lắc,	Nghệ nhân kim hoàn

Công việc của ĐTĐT	Cách ghi phiếu	
	Mô tả công việc chính	Chức danh (nếu có)
	dây cổ,...	
Thợ đóng giày (làm thủ công)	Tạo khuôn, đóng và khâu giày	Thợ giày
Công nhân nhà máy giày, dép	Vận hành máy đóng giày; cắt, xếp nguyên vật liệu để may giày	Công nhân đóng giày
Làm quản đốc trong phân xưởng may	Tổ chức phân công công việc, đôn đốc, hướng dẫn công nhân thực hiện đúng tiến độ, yêu cầu chất lượng quần áo	Quản đốc xưởng may
Người trồng rau trong khu vực nhà kính	Trồng rau, chăm sóc rau trong nhà kính	
Trưởng phòng tổ chức cán bộ	Quản lý và điều động nhân sự	Trưởng phòng tổ chức
Trưởng phòng kinh doanh của một công ty	Lập kế hoạch kinh doanh và điều hành hoạt động kinh doanh	Trưởng phòng kinh doanh
Kỹ sư giám sát các công trình xây dựng	Giám sát công nhân xây dựng thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình	Giám sát viên xây dựng
Tổng giám đốc một công ty	Quản lý điều hành chung các hoạt động của công ty	Tổng giám đốc công ty xây dựng

**Câu 20: Tên cơ sở (nếu có) và sản phẩm hoặc dịch vụ chính của cơ sở nơi [TÊN] đang làm việc hoặc trước khi tạm nghỉ là gì?**

ĐTV cần ghi cụ thể tên cơ sở kinh doanh (nếu có) và loại sản phẩm/dịch vụ chính mà cơ sở của ĐTĐT sản xuất hoặc thực hiện.

Khái niệm “cơ sở” được nêu trong câu hỏi là đơn vị kinh tế cơ sở, được hiểu là một chủ thể kinh tế nhỏ nhất, có thể là một xí nghiệp, công ty, tổng công ty, tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan có tư cách pháp nhân, một hộ,... không phân biệt đơn vị cơ sở đó thuộc loại hình kinh tế nào, miễn là giá trị sản phẩm/dịch vụ được sản xuất từ cơ sở đó có thể hạch toán/xác định một cách độc lập với các cơ sở khác.

Ví dụ: ĐTĐT làm ở Xí nghiệp sản xuất bao bì đóng gói thuốc tân dược thuộc Công ty CP Dược – Trang thiết bị y tế (Bidiphar) và sản phẩm của xí nghiệp này có thể được hạch toán riêng (tính giá thành riêng). ĐTV ghi câu này như sau:

<p>20. Tên cơ sở (nếu có) và sản phẩm hoặc dịch vụ chính của cơ sở nơi [TÊN] đang làm việc hoặc trước khi tạm nghỉ là gì?</p>	<p>TÊN CƠ SỞ (NẾU CÓ):  <u>Xí nghiệp sản xuất dược phẩm</u>  <u>Công ty CP Dược-Trang thiết bị y tế</u>  <b>SẢN PHẨM/DỊCH VỤ CHÍNH:</b>  <u>Thuốc tân dược</u></p> <div style="text-align: center;"> <table border="1" style="margin: auto;"> <tr> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> <td style="width: 20px; height: 20px;"></td> </tr> </table> </div> <p><b>MÃ NGÀNH</b></p>					

Ví dụ: ĐTĐT chăn trâu để bán. ĐTV ghi Câu 20 như sau:

<p>20. Tên cơ sở (nếu có) và sản phẩm hoặc dịch vụ chính của cơ sở nơi [TÊN] đang làm việc hoặc trước khi tạm nghỉ là gì?</p>	<p>TÊN CƠ SỞ (NẾU CÓ):  <hr style="width: 100%; border: 0; border-top: 1px solid black; margin: 5px 0;"/></p> <p><b>SẢN PHẨM/DỊCH VỤ CHÍNH:</b>  <u>Trâu</u></p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

	<div style="display: flex; justify-content: center; gap: 5px;"> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> </div> <p>MÃ NGÀNH</p>
--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

**Câu 21: Cơ sở nơi [TÊN] làm việc có thuộc Khu/CỤM công nghiệp của TỈNH Bình Định không ?**

Câu hỏi này nhằm xác định xem ĐTĐT có phải là công nhân hoặc người lao động trong khu công nghiệp hay khu chế xuất hay không? Từ đó tổng hợp thông tin về nhu cầu nhà ở đối với công nhân hoặc người lao động làm việc trong các khu/cụm công nghiệp.

**Câu 22: Với công việc này [TÊN] đã ký hợp đồng lao động nào?**

Để xác định loại hợp đồng lao động được ký giữa ĐTĐT và người chủ sử dụng lao động trong công việc họ đang thực hiện

- Câu hỏi dùng để hỏi những người là xã viên hợp tác xã và những người làm công ăn lương. Câu hỏi này không hỏi những người làm chủ, làm công việc kinh doanh/tự làm của chính họ hay lao động gia đình.

- Thỏa thuận miệng: là trường hợp ĐTĐT không được ký hợp đồng lao động nhưng giữa người chủ và ĐTĐT có thỏa thuận miệng với nhau để xác định nhiệm vụ và các điều kiện làm việc của ĐTĐT.

**Câu 23: [TÊN] có tham gia đóng BHXH không?**

Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội. Đóng bảo hiểm xã hội bao gồm đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hoặc người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Chọn đáp án như câu trả lời của ĐTĐT.

**Câu 24: Nếu có, [TÊN] đóng BHXH ở đâu?**

Chọn đáp án như câu trả lời của ĐTĐT.



**Câu 25: Loại hình BHXH mà [TÊN] đang tham gia đóng là gì?**

Câu hỏi này được sử dụng nhằm xác định xem loại bảo hiểm xã hội người lao động đang tham gia là tự nguyện hay bắt buộc, từ đó xác định lao động làm việc trong khu vực chính thức hay phi chính thức.

Các loại hình BHXH bao gồm:

(1) **Bảo hiểm xã hội bắt buộc:** Là loại hình bảo hiểm mà người lao động và người sử dụng lao động bắt buộc phải tham gia theo quy định của pháp luật.

(2) **Bảo hiểm xã hội tự nguyện:** Là loại hình bảo hiểm xã hội mà người lao động tự nguyện tham gia, lựa chọn mức đóng và phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình để hưởng bảo hiểm xã hội.

Câu này chỉ hỏi cho những người có tham gia đóng bảo hiểm xã hội (Câu 23 có mã 1).

**Câu 26: [TÊN] đã tham gia đóng BHXH được bao lâu?**

Mục đích của câu hỏi này nhằm xác định mức độ ổn định thu nhập của ĐTĐT và khả năng hạn chế rủi ro về tài chính.

**Câu 27: Trung bình mỗi tháng, [TÊN] có thu nhập khoảng bao nhiêu tiền: tiền công/tiền lương, lợi nhuận từ công việc này và các khoản thu nhập khác? Tiền công/tiền lương bao gồm cả tiền làm thêm giờ, tiền thưởng, tiền phụ cấp nghề và tiền phúc lợi khác? (ĐƠN VỊ TÍNH: 1000 ĐỒNG)**

Mục đích câu hỏi được thiết kế nhằm xác định thu nhập bình quân một tháng của tất cả các công việc đã và đang làm, bao gồm cả các loại thu nhập khác như: cho, biếu, mừng, giúp, cho thuê nhà/xưởng, lãi tiết kiệm, cổ tức, cổ phiếu...

Đơn vị tính trong câu này là nghìn đồng. Như vậy sẽ quy định làm tròn đến nghìn đồng để ghi vào 6 ô mã dành sẵn với cách làm tròn là cắt bỏ phần sau “nghìn đồng”. Nếu sau khi làm tròn như thế mà không còn đủ 6 con số, thì điền thêm số “0” vào (các) ô mã phía trái cho đủ. ĐTV nên ghi số tiền ra giấy nháp trước khi ghi vào phiếu để tránh nhầm lẫn.

**Ví dụ:** ĐTĐT khai tổng tiền nhận được là 5.403.600, ĐTV sẽ ghi số vào ô mã như sau:

0	0	5	4	0	4
---	---	---	---	---	---

Cách xác định thu nhập của ĐTĐT như sau:

**(1) Đối với người hưởng lương/hưởng công:**

ĐTV cần hướng dẫn ĐTĐT ước lượng số tiền kiếm được/thu được bình quân trong 1 tháng, gồm tiền lương/tiền công, tiền thưởng và phụ cấp các loại, từ công việc chính đã khai ở trên và ghi vào 6 ô mã ở tổng số tiền nhận được.

Trường hợp ĐTĐT được trả lương/trả công bằng hiện vật, ĐTV hướng dẫn ĐTĐT quy đổi số hiện vật đó ra tiền theo giá mua hiện vật đó tại địa phương nơi ĐTĐT đang cư trú tại thời điểm phỏng vấn để nhập thông tin vào chương trình.

**(2) Đối với những người là chủ cơ sở, người tự làm:**

ĐTV hỏi để xác định xem lợi nhuận thu được hoặc được chia từ cơ sở SXKD của ĐTĐT trong một thời kỳ nhất định 1 năm/1 quý/1 tháng/1 ngày để quy đổi tương ứng. Trường hợp ĐTĐT cho biết họ bị lỗ thì ĐTV ghi số 0 vào ô thứ 6 trong 6 ô mã. Trường hợp họ không biết cách xác định lợi nhuận, ĐTV áp dụng cách ước tính như sau:

+ Đối với những người làm trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, ĐTV hỏi để xác định xem trong 1 mùa vụ, ĐTĐT thu hoạch được bao nhiêu sản phẩm, quy đổi giá trị sản phẩm theo mức giá trung bình trên thị trường để ước tính doanh thu. Đồng thời hỏi ĐTĐT xem họ đã phải chi trả bao nhiêu tiền cho việc mua giống, thức ăn, phân bón, thuốc trừ sâu,... cho 1 mùa vụ, sau đó ước tính thu nhập bằng cách lấy doanh thu trừ chi phí, quy đổi thu nhập đó theo tháng và ghi vào 6 ô mã tương ứng trên PĐT. Trường hợp khoản thu nhập này bị âm, ĐTV nhập số 0 vào ô thứ 6 trong 6 ô mã.

+ Đối với những người làm trong lĩnh vực phi nông, lâm nghiệp, thủy sản, ĐTV ước tính thu nhập của ĐTĐT bằng cách xác định số sản phẩm/dịch vụ mà

ĐTĐT sản xuất/tiêu thụ/cung cấp được và mức giá trung bình một sản phẩm/dịch vụ. Đồng thời hỏi để xác định chi phí phải bỏ ra cho từng sản phẩm, trên cơ sở đó ước tính lợi nhuận, quy đổi lợi nhuận theo tháng và ghi mức quy đổi này vào các ô mã dành sẵn. Trường hợp khoản thu nhập này bị âm, ĐTV ghi số 0.

***Quy ước:***

Nếu trong cùng một hộ hoặc cùng một cơ sở SXKD vừa có người là lao động tự làm/chủ cơ sở, vừa có những người là lao động gia đình thì toàn bộ thu nhập của hộ đó/cơ sở đó được tính cho người tự làm/người chủ cơ sở.

Lao động gia đình không hưởng lương, hưởng công có thu nhập bằng 0.

Đối với những người làm trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chưa đến mùa thu hoạch thì ĐTV căn cứ vào thu nhập của mùa trước để xác định. Nếu ĐTĐT cho biết họ chưa thu hoạch **mùa đầu tiên** thì ĐTV xác định thu nhập của họ bằng 0.

Những người kinh doanh, sản xuất bị thua lỗ, ĐTV xác định thu nhập của họ bằng 0.

Những người tạm nghỉ trong tháng trước, ĐTV hỏi xem họ có nhận được thu nhập hay không. Nếu có thì hỏi để thu thập thông tin về thu nhập để ghi vào phiếu điều tra. Nếu họ cho biết họ không nhận được thu nhập, ĐTV xác định thu nhập của tháng trước khi tạm nghỉ.

Đối với người mới bắt đầu đi làm chưa nhận được tiền công/tiền lương quy ước ghi theo tiền lương được trả theo thỏa thuận hoặc hợp đồng.

**Câu 28: [TÊN] có phải đóng thuế thu nhập cá nhân thường xuyên không?**

Mục đích của câu hỏi này xem thu nhập của ĐTĐT ở mức cao hay thấp. Có thể thu nhập từ công việc chính không phải đóng thuế, nhưng với nhiều nguồn thu nhập khác nhau thì ĐTĐT sẽ có thể phải đóng thuế thu nhập cá nhân.

## **MỤC 4: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở**

### **Câu 29: Hộ ông/bà có nhà ở hay không?**

Hộ được xác định là có nhà ở nếu hộ ở trong một công trình xây dựng gồm có 03 bộ phận: tường, mái và sàn. Trường hợp nơi ở của hộ là nhà bè ở trên sông, hồ có đầy đủ 03 bộ phận: tường, mái và sàn thì được coi là hộ có nhà ở.

Trường hợp hộ đang ở lán tạm do hộ đang trong giai đoạn xây dựng nhà, ĐTV xác định tình trạng nhà ở của hộ là “Không, đang xây dựng và ở lán tạm”.

### **Câu 30: Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà riêng lẻ? Ngôi nhà/căn hộ này có bao nhiêu phòng ngủ riêng biệt?**

- Nhà chung cư: Là nhà ở có từ 02 tầng trở lên, có nhiều căn hộ, có lối đi, cầu thang chung, có hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung; nhà chung cư gồm nhà chung cư được xây dựng với mục đích để ở và nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp (để ở và kinh doanh).

- Nhà riêng lẻ: Là ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà 01 tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

- Phòng ngủ riêng biệt: Là phòng được ngăn, che kín đáo, tạo không gian độc lập với các phòng khác bằng tường, vách ngăn cố định, có tường cao ít nhất 2,1 m và diện tích sàn tối thiểu 4 m<sup>2</sup>, được sử dụng để ngủ.

Đối với những không gian được ngăn, che bằng ri đô di động hoặc các vật dụng có thể di chuyển,... được sử dụng để ngủ, không được tính là phòng ngủ.

**Lưu ý:** Phòng ngủ cần đảm bảo 03 tiêu chí: phòng có vách ngăn cố định xung quanh; tường cao ít nhất 2,1 m; diện tích sàn tối thiểu 4 m<sup>2</sup> (có thể có cánh/khung cửa ra vào hoặc không).

### **Câu 31: Tổng diện tích sử dụng để ở của hộ gia đình Ông/Bà là bao nhiêu mét vuông?**

ĐTV hỏi để xác định tổng diện tích thực tế sử dụng để ở của ngôi nhà/căn hộ, không căn cứ vào tổng diện tích trên giấy tờ, sổ sách.

- Đối với căn hộ chung cư: Là tổng diện tích sàn xây dựng sử dụng để ở của hộ (bao gồm: diện tích sàn có tường ngăn các phòng bên trong căn hộ và diện tích ban công, lô gia (nếu có) gắn liền với căn hộ đó; không tính tường bao ngôi nhà, tường phân chia các căn hộ, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật nằm bên trong căn hộ), không tính diện tích sử dụng chung cho các hộ trong nhà chung cư như: diện tích cầu thang, lối đi, hành lang chung, phòng bảo vệ, phòng văn hóa,...

- Đối với nhà riêng lẻ (bao gồm nhà biệt thự): Là tổng diện tích sử dụng để ở của hộ, bao gồm diện tích các phòng ngủ, phòng tiếp khách, phòng đọc sách, giải trí,...; không bao gồm các công trình xây dựng riêng lẻ trong khuôn viên nhà ở của hộ như: chuồng trại chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng biệt,...

+ Đối với nhà ở một tầng: Tổng diện tích sử dụng để ở là tổng diện tích nền nhà tính cả tường (phần có trần, mái che) của ngôi nhà đó; trường hợp có tường, khung cột chung (với ngôi nhà khác hoặc với khu sinh hoạt chung của các ngôi nhà xung quanh), chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Đối với nhà nhiều tầng: Tổng diện tích sử dụng để ở là tổng diện tích của các tầng; trường hợp có tường, khung cột chung (với ngôi nhà khác hoặc với khu sinh hoạt chung của các ngôi nhà xung quanh) ở các tầng, chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó.

+ Phần sàn và gầm sàn nhà không được bao che và không được sử dụng để ở thì không tính diện tích. Trường hợp phần gầm sàn nhà cao từ 2,1 m trở lên, có diện tích tối thiểu là 4 m<sup>2</sup>, có bao che và được sử dụng để ở thì được tính diện tích. ĐTV hỏi kết hợp với quan sát để ghi phần diện tích (m<sup>2</sup>) vào ô trống.

**Lưu ý:** Trường hợp gác xép được tính diện tích khi cao từ 2,1 m trở lên, có diện tích tối thiểu là 4 m<sup>2</sup> và được sử dụng để ở.

Một số lưu ý trong xác định tổng diện tích sử dụng của ngôi nhà/căn hộ:

- Nếu hộ không biết hoặc không xác định được diện tích sử dụng của ngôi nhà/căn hộ, ĐTV phải ước để ghi thông tin. ĐTV ước lượng bằng cách: Đếm số hàng gạch (nếu sàn nhà lát gạch vuông) của chiều dài và chiều rộng để tính diện tích; đo bước chân hoặc sử dụng dây hay cây/que để đo chiều dài và chiều rộng để tính diện tích.

- Trường hợp hộ thường xuyên ăn, ở trong 02 ngôi nhà trở lên cùng khuôn viên, diện tích sử dụng để ở bằng tổng diện tích của các ngôi nhà này.

- Trường hợp nhà riêng lẻ có nhiều hộ cùng cư trú:

+ Nếu xác định được hộ đại diện, diện tích sử dụng để ở của toàn bộ ngôi nhà được tính cho hộ đại diện.

+ Nếu không xác định được hộ đại diện, diện tích sử dụng để ở được tính cho từng hộ. Trong đó, không tính các diện tích sử dụng chung.

- Trường hợp ngôi nhà/căn hộ có tổng diện tích sử dụng từ 1000 m<sup>2</sup> trở lên, ĐTV ghi 999 m<sup>2</sup>.

Ví dụ: Một ngôi nhà 4 tầng, diện tích sàn mỗi tầng là 40 m<sup>2</sup> và được xây từ tầng 1 đến tầng 4; riêng tầng 4 chỉ xây 1 phòng 15 m<sup>2</sup> để làm phòng thờ, phần còn lại được quây lưới thép chắc chắn bao quanh và dùng để giặt, phơi quần áo. Tổng diện tích sử dụng của ngôi nhà là:  $40 \times 3 + 15 = 135 \text{ m}^2$ .

**Câu 32: Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) của ngôi nhà/căn hộ này là gì?**

Cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) là cấu kiện được xây dựng để đỡ mái (hoặc trần, hoặc dầm).

Việc xác định chất lượng của các loại gỗ dùng làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) căn cứ theo cách phân loại nhóm gỗ hiện hành của Việt Nam, trong đó gỗ bền chắc là các loại gỗ thuộc nhóm I, II, III, IV, V; gỗ tạp, không

bền chắc là các loại gỗ thuộc nhóm VI, VII và VIII hoặc là các cây gỗ non, có đường kính nhỏ hơn 10 cm. Chi tiết về các loại gỗ được trình bày trong “Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước” tại Phụ lục 13.

Một số vật liệu làm cột được quy định là vật liệu bền chắc, gồm: bê tông cốt thép, gạch/đá, sắt/thép/gỗ bền chắc.

Một số vật liệu làm cột được quy định là vật liệu tạm, gồm: gỗ tạp/tre, đất,...

Trường hợp hộ thường xuyên ăn, ở trong 02 ngôi nhà trở lên cùng khuôn viên, vật liệu chính làm cột được tính cho ngôi nhà chính.

### **Câu 33: Vật liệu chính làm mái của ngôi nhà/căn hộ này là gì?**

ĐTV hỏi kết hợp với quan sát để xác định thông tin đúng cho Câu 32.

Mái nhà là bộ phận nằm trên cùng của ngôi nhà, để bảo vệ công trình nhà ở theo hướng từ trên xuống dưới (che mưa, che nắng, cách nhiệt, giữ nhiệt, chống thấm - chức năng bao che) và liên kết với các bộ phận tường, cột, dầm, giằng của công trình nhà ở, tạo nên sự ổn định chung cho toàn công trình (chức năng chịu lực).

Một số vật liệu làm mái được quy định là vật liệu bền chắc, gồm: bê tông cốt thép, ngói.

Một số vật liệu làm mái được quy định là vật liệu tạm, gồm: tấm lợp (phibrôxi măng, nhựa lợp sáng loại mỏng, tôn), lá/rom rạ/giấy dầu hoặc vật liệu khác.

Trường hợp mái bằng tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (khung sắt, gỗ...) liên kết bền chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì mái tôn trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc.

Trường hợp ngôi nhà có 02 hoặc nhiều lớp mái (các lớp mái chống nóng, chống thấm dột,...), ĐTV hỏi để xác định vật liệu chính của mái được xây dựng

để bảo vệ công trình; không tính các vật liệu chống nóng, chống dột là vật liệu chính của mái.

Trường hợp ngôi nhà xây kiên cố từ 01 tầng trở lên, mái của tầng một (tầng trệt) làm bằng bê tông, tầng thượng trên cùng đổ cột, xây tường bao, trên lợp mái tôn, phibrôximăng, tấm nhựa, trần thạch cao,... và tầng thượng hộ dùng để ăn, ở, sinh hoạt, ĐTV xác định vật liệu chính làm mái của ngôi nhà này là mái bê tông.

Trường hợp hộ thường xuyên ăn, ở trong 02 ngôi nhà trở lên cùng khuôn viên, vật liệu chính làm mái được tính cho ngôi nhà chính.

### **Câu 34: Vật liệu chính làm tường hoặc bao che của ngôi nhà/căn hộ này là gì?**

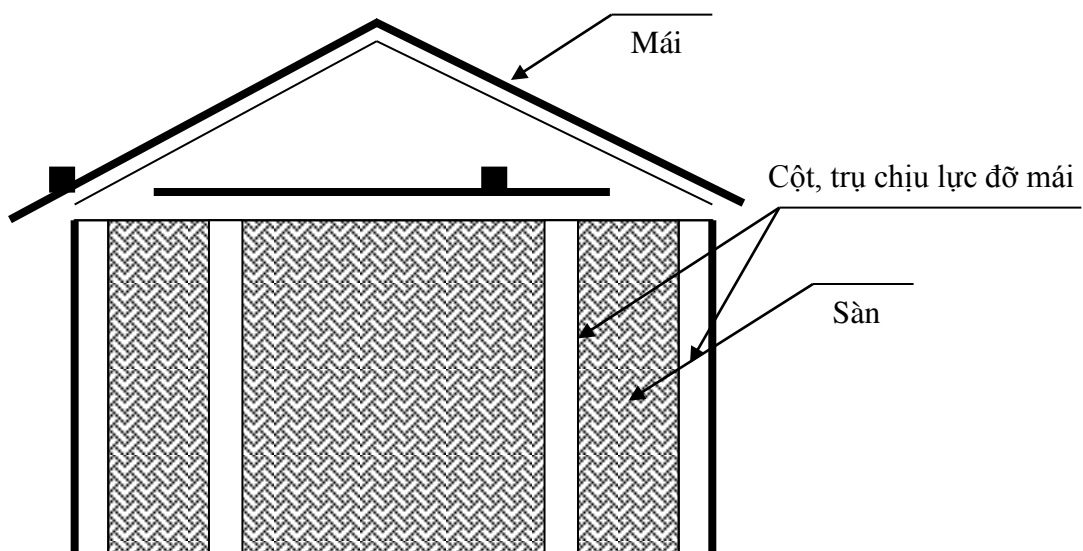
ĐTV hỏi kết hợp với quan sát để xác định thông tin đúng cho Câu 57.

Tường là một trong những bộ phận cấu tạo chính đảm nhận chức năng bao che, ngăn chia không gian, chịu lực trên mặt đất của nhà. Đây cũng là cấu kiện giúp phân biệt không gian trong và bên ngoài nhà, giữa phòng này và phòng khác. Tường cũng làm chức năng chịu lực, đỡ tải trọng, mái truyền xuống móng.

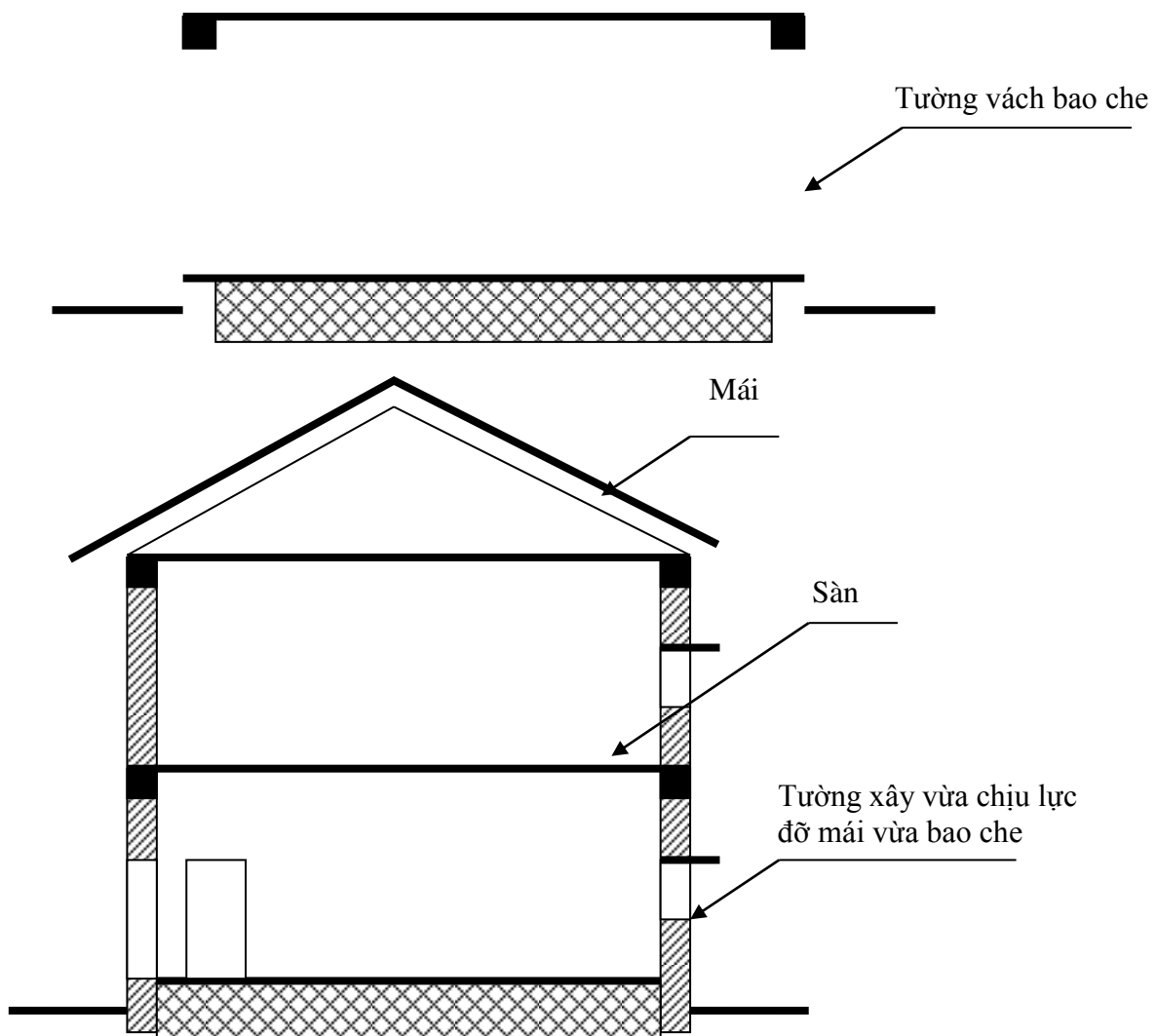
Vật liệu làm tường được coi là bền chắc nếu được làm bằng bê tông cốt thép, gạch/đá, gỗ, kim loại.

Vật liệu làm tường được coi là tạm nếu được làm từ đất vôi/rom, phiên/liếp/ván ép hoặc vật liệu khác.

Trường hợp hộ thường xuyên ăn, ở trong 02 ngôi nhà trở lên cùng khuôn viên, vật liệu chính làm tường hoặc bao che được tính cho ngôi nhà chính.







**Câu 35: Ngôi nhà/căn hộ này được sử dụng từ năm nào?**

ĐTV ghi năm mà ngôi nhà được hoàn thiện và lần đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp nhà ở của hộ bao gồm nhiều phần, mỗi phần được hoàn thiện và bắt đầu dùng để ở vào các năm khác nhau, ĐTV chỉ ghi năm mà bộ phận chính (có diện tích lớn nhất) của ngôi nhà đó được xây dựng xong và lần đầu đưa vào sử dụng để ở.

Trường hợp chủ hộ không nhớ ngôi nhà được đưa vào sử dụng năm nào, ĐTV chọn mã “Không xác định”.

Với những ngôi nhà sửa chữa lại: Nếu sửa chữa lớn làm thay đổi kết cấu ngôi nhà, ghi năm sửa lại; nếu sửa chữa nhỏ, ghi năm sửa chữa lớn gần đây nhất hoặc năm sử dụng lần đầu (trường hợp chưa bao giờ sửa chữa lớn).

Ví dụ: Một ngôi nhà được xây năm 1990 và lợp mái ngói. Năm 2000, ngôi nhà được dỡ mái ngói, cải tạo để đổ trần bê tông và xây thêm 01 tầng. Năm 2005, ngôi nhà được cải tạo và xây thêm 1 tầng nữa. Trường hợp này, ĐTV ghi năm sử dụng của ngôi nhà là năm 2000 vì đây là năm thay đổi kết cấu lớn nhất của ngôi nhà.

**Câu 36: Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ông/bà đang ở thuộc quyền sở hữu của ai?**

- Nhà riêng của hộ: Ngôi nhà/căn hộ do hộ sở hữu, có được bằng hình thức tự làm, mua, được cho/tặng hiện đang được hộ dùng để ở.

- Nhà thuê/mượn của Nhà nước: Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ký hợp đồng thuê và mượn của Nhà nước.

- Nhà thuê/mượn của cá nhân/tư nhân: Ngôi nhà/căn hộ mà hộ ký hợp đồng thuê/mượn của tư nhân để ở và thực tế hiện đang ở.

- Nhà của tập thể: Ngôi nhà/căn hộ mà hộ thuê/mượn của các cơ quan, doanh nghiệp, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất,...

- Các hình thức sở hữu khác hoặc chưa rõ quyền sở hữu: Ngôi nhà/căn hộ không thuộc một trong các nhóm đã liệt kê, như: những ngôi nhà/căn hộ lấn chiếm của Nhà nước, tập thể, cá nhân; ngôi nhà/căn hộ đang tranh chấp quyền sở hữu chưa được phân xử rõ ràng; ngôi nhà/căn hộ mà hộ thuê/mượn của các tổ chức tôn giáo.

Ví dụ: Một căn hộ tập thể được giao cho gia đình ông A sử dụng. Sau một thời gian sử dụng, gia đình ông A đã cho gia đình ông B thuê lại. Trường hợp này, ĐTV xác định Câu 35 cho gia đình ông B là “Nhà thuê/mượn của cá nhân/tư nhân”.

**Câu 37: Hộ ông/ bà hoặc thành viên hộ ông/bà có thuộc nhóm đối tượng nào sau đây không ?**

ĐTV hỏi để xác định hộ có thuộc nhóm đối tượng được hỗ trợ về nhà ở xã hội hay không. Có 10 nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội và hình thức hỗ trợ tương ứng với mỗi nhóm đối tượng được quy định cụ thể tại Luật Nhà ở 2014.

Theo đó, 10 nhóm đối tượng sau đây nếu đáp ứng điều kiện theo quy định thì được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, gồm:

(1) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

(2) Hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn và thành thị;

(3) Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;

(4) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong khu/cụm công nghiệp;

(5) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp ngoài khu/cụm công nghiệp;

(6) Hộ gia đình có thành viên đang công tác trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;

(7) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức viên chức;

(8) Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật Nhà ở;

(9) Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập;

(10) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở

ĐTV đọc từng nhóm đối tượng để ĐTĐT trả lời và tích vào ô mã tương ứng (có thể chọn nhiều nhóm đối tượng)

**Câu 38: Hộ ông/bà có được hỗ trợ về nhà ở xã hội không ?**

Câu hỏi này chỉ hỏi cho những hộ thuộc 10 nhóm đối tượng ở câu 36 để xem với những hộ thuộc 10 nhóm đối tượng đó đã được hộ trợ về nhà ở xã hội hay chưa?

**Hình thức hỗ trợ về nhà ở xã hội**

- Hỗ trợ cho thuê, cho thuê mua, bán nhà ở xã hội cho các đối tượng quy định tại các mục (1), (4), (5), (6), (7), (8) và (10);

- Hỗ trợ cho thuê nhà ở xã hội đối với đối tượng quy định tại mục (9);

- Hỗ trợ các chương trình mục tiêu về nhà ở để đối tượng quy định tại các mục (1), (2) và (3) xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở;

- Hỗ trợ giao đất ở có miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc tặng nhà ở xã hội cho đối tượng quy định tại các mục (1), (2) và (3);

- Hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi của Nhà nước thông qua Ngân hàng chính sách xã hội, tổ chức tín dụng do Nhà nước chỉ định để các đối tượng quy định tại các mục (1), (4), (5), (6) và (7) xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở.

Chọn đáp án như câu trả lời của ĐTĐT.

**Câu 39: Trong thời gian tới (đến năm 2030), hộ ông/bà có kế hoạch mua nhà/căn hộ ở tỉnh Bình Định không?**

Câu hỏi này nhằm xác định nhu cầu mua nhà của người dân trong giai đoạn 2024-2030.

Trong trường hợp hộ không chắc chắn về kế hoạch mua nhà hoặc các thành viên trong gia đình chưa thống nhất, ĐTV xác định là không có kế hoạch mua nhà.

**Câu 40: Nếu có, hộ Ông/Bà dự định mua trong khoảng thời gian nào?**

Câu này nhằm thu thập thông tin về nhu cầu mua nhà của người dân trong 02 giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030.

Chọn đáp án như câu trả lời của ĐTĐT.

**Câu 41: Hộ Ông/Bà muốn mua nhà/căn hộ ở huyện, thị xã, thành phố nào?**

Câu hỏi này nhằm xác định nhu cầu mua nhà của người ở từng quận, huyện, thị xã.

ĐTV điền thông tin trả lời của ĐTĐT vào dòng kẻ liền và ghi mã cho đơn vị hành chính tương ứng.

**Câu 42. Hộ Ông/Bà dự định mua loại hình nhà ở nào sau đây ? (Có thể lựa chọn cả 2 phương án)**

Câu hỏi này nhằm xác định xem nhu cầu mua nhà ở xã hội của người dân là bao nhiêu và nhu cầu về nhà ở thương mại là bao nhiêu.

- Nhà ở xã hội được định nghĩa là nhà ở do Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng cho các đối tượng được quy định của Luật Nhà ở thuê hoặc thuê mua (người thuê nhà ở sau một thời gian quy định thì được mua và được công nhận sở hữu đối với nhà ở đó) theo quy chế do Nhà nước quy định.

- **Nhà ở xã hội** là một loại hình nhà ở thuộc sở hữu của cơ quan nhà nước (có thể trung ương hoặc địa phương) hoặc các loại hình nhà được sở hữu và quản lý bởi nhà nước, các tổ chức phi lợi nhuận được xây dựng với mục đích cung cấp nhà ở giá rẻ cho một số đối tượng được ưu tiên trong xã hội như công chức của nhà nước chưa có nhà ở ổn định, người có thu nhập thấp... và được cho thuê hoặc cho ở với giá rẻ so với giá thị trường.

- **Nhà ở thương mại** là nhà ở được đầu tư xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua theo cơ chế thị trường.

Giao dịch bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở thương mại được xác lập giữa chủ đầu tư kinh doanh nhà ở thương mại hoặc chủ sở hữu nhà ở thương mại với tổ chức, cá nhân có nhu cầu dựa trên cơ sở giá cả hình thành bởi cơ chế thị trường. Điều này có nghĩa là việc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở thương mại dựa trên các quy luật cơ bản của kinh tế thị trường bao gồm quy luật giá trị, quy luật “cung – cầu” .v.v. Người mua, thuê, thuê mua nhà ở thương mại dường như không được hưởng bất kỳ sự ưu đãi, miễn giảm nào về giá cả khi tham gia giao dịch mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở thương mại.

- Nhà ở khác: Bao gồm nhà ở riêng lẻ, biệt thự,... của hộ dân cư.

#### **43. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà ở chung cư hay nhà ở riêng lẻ?**

Câu này chỉ hỏi cho những người có nhu cầu mua nhà ở thương mại (Câu 42 có mã 2).

Hiện nay có 2 loại hình nhà ở là nhà riêng lẻ và nhà/căn hộ chung cư. Câu này muốn biết ĐTĐT có nhu cầu mua nhà ở thương mại thì muốn mua nhà riêng lẻ hay nhà chung cư.

#### **44. Ông/Bà muốn mua nhà ở/căn hộ thuộc phân khúc nào?**

Câu hỏi này nhằm xác định nhu cầu mua nhà của dân cư ở từng phân khúc.

- Phân khúc bất động sản giá rẻ ra đời chủ yếu để đáp ứng được các khách hàng có thu nhập thấp và tài chính của họ có giới hạn. Vì thế đúng với tên gọi của nó, mục tiêu phân khúc bất động sản giá rẻ hướng đến là những người thu nhập thấp ở xã hội và họ cần được hỗ trợ về tài chính để có thể mua nhà. Điển hình trong các gói hỗ trợ tài chính cho phân khúc giá rẻ là gói 30.000 tỷ đồng của Nhà nước. Phân khúc giá rẻ là những dự án từ 500 triệu đồng đến 2 tỷ đồng và chủ yếu là các dự án nhà ở xã hội.

- Phân khúc bất động sản tầm trung là phân khúc giá dành cho nhiều đối tượng hơn trên thị trường có thể tiếp cận. Với giá trị ở mức vừa phải của các dự

án và sản phẩm trên thị trường thì đây là những dự án căn hộ ở ven đô, đất nền hoặc nhà ở ven các đô thị.

- Phân khúc bất động sản cao cấp là những dự án trong khu đô thị hoặc những dự án chung cư thuộc vị trí đặc địa, có tiện ích cao cấp đáng ứng. Phân khúc thị trường bất động sản cao cấp là phân khúc bất động sản kén chọn người mua và dành cho số ít người Việt. Chủ yếu nó sôi động bởi ở thị trường Việt dành cho các chuyên gia và khách hàng nước ngoài. Các dự án này có giá dao động trong khoảng từ 5 - 20 tỷ đồng. Khách hàng lựa chọn loại bất động sản ở phân khúc cao cấp vẫn quan tâm đến giá bán nhưng chủ yếu là quan tâm đến vị trí và tiện ích của các dự án. Họ cũng kỹ tính hơn trong việc lựa chọn môi giới bởi vì họ cũng là người am hiểu về thị trường và có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc lựa chọn sản phẩm bất động sản.

#### **45. Hộ Ông/Bà dự định mua (sở hữu) nhà ở theo hình thức nào?**

Có hai hình thức mua nhà ở là mua và thuê mua.

*Thuê mua nhà ở là việc người thuê mua nhà ở thanh toán trước cho bên cho thuê mua 20% đến 50% giá trị của nhà ở thuê mua; 80-50% còn lại được tính thành tiền thuê nhà để trả hàng tháng cho bên chủ đầu tư trong một thời hạn nhất định. Sau khi hết hạn thuê mua nhà ở (thường là 05 năm) và khi đã trả hết số tiền còn lại thì người thuê mua có quyền sở hữu đối với nhà ở đó.*

#### **46. Ông/Bà dự định sở hữu (mua) nhà ở có bao nhiêu tầng?**

ĐTV đọc từng đáp án trả lời và tích vào ô mã tương ứng với câu trả lời của ĐTĐT.

#### **47. Hộ Ông/Bà muốn mua nhà/căn hộ có diện tích và số phòng ngủ là bao nhiêu?**

Câu hỏi này hỏi cho cả nhà thương mại và nhà xã hội. Chọn đáp án như câu trả lời của ĐTĐT.

#### **48. Nếu mua nhà/căn hộ, hộ ông/bà có đủ tiền để mua không hay phải vay thêm?**

Câu hỏi này nhằm xác định khả năng tài chính của người dân khi có nhu cầu mua nhà. Chọn đáp án như câu trả lời của ĐTĐT.

**49. Hộ Ông/Bà định vay thêm từ nguồn nào?**

Câu này hỏi cho các trường hợp có mã 2 ở câu 46 và sẽ vay thêm từ nguồn nào/ở đâu ?

**50. Nếu phải vay thêm tiền, hộ Ông/Bà phải vay khoảng bao nhiêu % giá trị ngôi nhà/căn hộ từ các nguồn vay?**

Chọn đáp án như câu trả lời của ĐTĐT.

**51. Nếu không thể mua, hoặc không muốn mua. Hộ ông/bà có muốn thuê nhà ở tại tỉnh Bình Định không?**

Câu này hỏi cho các trường hợp trả lời mã 2 ở câu 38. Chọn đáp án như câu trả lời của ĐTĐT.

**52. Hộ ông/bà muốn thuê nhà ở tại huyện, thị xã, thành phố nào?**

Câu này hỏi cho các trường hợp trả lời mã 1 ở câu 49. ĐTV ghi tên huyện, thị xã, thành phố vào dòng kẻ liền và căn cứ vào Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam để đánh mã.

**53. Hộ ông/bà muốn thuê căn nhà/căn hộ có diện tích và số phòng ngủ là bao nhiêu?**

Câu này hỏi nhu cầu về diện tích nhà ở và số phòng ngủ của căn hộ và ngôi nhà mà hộ muốn thuê. Ghi thông tin theo câu trả lời của ĐTĐT.

**54. Nếu hộ ông/bà thuộc diện phải thu hồi đất ở, giải tỏa, phá dỡ nhà ở, hộ ông/bà lựa chọn hình thức hỗ trợ nào ?**

Mục đích của câu hỏi này nhằm xác định nhu cầu về loại hình hỗ trợ tái định cư của hộ dân cư.

Theo Điều 27 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định về suất tái định cư tối thiểu như sau:



(1) Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 4 Điều 86 Luật Đất đai 2013 được quy định bằng đất ở, nhà ở hoặc bằng nhà ở hoặc bằng tiền để phù hợp với việc lựa chọn của người được bố trí tái định cư.

(2) Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở, nhà ở thì diện tích đất ở tái định cư không nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa tại địa phương và diện tích nhà ở tái định cư không nhỏ hơn diện tích căn hộ tối thiểu theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng nhà ở thì diện tích nhà ở tái định cư không nhỏ hơn diện tích căn hộ tối thiểu theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho suất tái định cư tối thiểu tương đương với giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, nhà ở tại nơi bố trí tái định cư.

(3) Căn cứ quy định tại (1) và (2) mục này và tình hình cụ thể của địa phương, UBND cấp tỉnh quy định suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở nhà ở, bằng nhà ở và bằng tiền.

**55. Nguyên nhân nào khiến hộ ông/bà không muốn nhận nhà ở tái định cư ?**

Câu hỏi này hỏi cho các trường hợp câu 52 có mã trả lời là 2. Câu hỏi nhằm xác định lý do tại sao hộ dân không muốn nhận nhà tái định cư.

**56. Nếu Nhà nước/Chủ đầu tư bố trí nhà ở thương mại để phục vụ tái định cư, hộ ông/bà có muốn nhận nhà ở tái định cư không ?**

Câu hỏi này muốn làm rõ nhu cầu về nhà ở tái định cư của người dân để Tỉnh có kế hoạch và định hướng quy hoạch về loại hình nhà tái định cư./.